



ACIAR

IN VIETNAM



Kinh nghiệm từ 40 năm xây
dựng chính sách nông nghiệp
và nông thôn

TRANG 15

Tương lai nông hộ nhỏ
Việt Nam

TRANG 17

Đầu tư thông minh cho
tương lai nông nghiệp Việt

TRANG 19

Mục lục



3 Thư Ban biên tập

TIN TỨC

- 4 Chương trình ACIAR Việt Nam 2025 - 2026: 21 Dự án hiện tại và sắp tới
- 6 Hợp tác nghiên cứu chuỗi giá trị gạo chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL
- 8 Tăng cường hợp tác Nam-Nam trong nghiên cứu hệ thống chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu

TIN TỨC TỪ ĐẠI SỨ QUÁN AUSTRALIA

- 9 Australia và Việt Nam hợp tác tăng cường an ninh sinh học

GÓC NHÌN CHUYÊN GIA

- 10 AI trong nông nghiệp: cùng nông dân xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định
- 12 Định hướng phát triển ngành nông nghiệp và môi trường Việt Nam

CẬP NHẬT DỰ ÁN

- 15 Kinh nghiệm từ 40 năm xây dựng chính sách nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam: Hàm ý chính sách cho giai đoạn mới
- 17 Tương lai nông hộ nhỏ ở Việt Nam
- 19 Đầu tư thông minh cho tương lai nông nghiệp Việt
- 21 Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho nông hộ nhỏ trồng cây ăn quả tại Tây Bắc
- 23 Cơ hội và thách thức cho ngành dược liệu Việt
- 25 Mạng lưới nghiên cứu vì sự bền vững của ngành sản Châu Á
- 27 Sử dụng viễn thám và kế toán nước trong quản lý nước nông nghiệp ở địa phương
- 28 Thúc đẩy kinh doanh nông nghiệp từ rừng ngập mặn vì một ĐBSCL bền vững
- 30 Phát triển hệ thống chăn nuôi gà giúp nông hộ tăng thu nhập ở Đông Nam Á
- 31 Kết nối nông hộ để quản trị chuỗi bò thịt tốt hơn
- 33 Vi dưỡng chất trong thức ăn cho cá mú: thay đổi nhỏ, tác động lớn
- 35 Từ nghiên cứu đến phát triển ngọc trai mabe quy mô lớn
- 36 Khoa học, hợp tác và chính sách giúp giảm thiểu rủi ro về sâu bệnh hại rừng ở Đông Nam Á
- 38 Cơ hội nâng cao sức khỏe đất trong các hệ thống canh tác cà phê

XÂY DỰNG NĂNG LỰC

- 40 Học viên học bổng Meryl Williams: Bạn đang làm gì?
- 41 Chào đón Thanh Hải về nước
- 41 Đăng ký khóa học ACIAR Learn 2026

GƯƠNG MẶT ACIAR

- 42 Phỏng vấn nhà nghiên cứu
- 43 Phỏng vấn nông dân
- 44 Gương mặt mới ở ACIAR

TIN ẢNH

- 45 Dấu ấn hợp tác qua ảnh

TỪ NÔNG TRẠI TỚI BÀN ĂN

- 47 Canh hàu nấu chua

Bìa trước và sau: ACIAR



Thư Ban biên tập

Bạn đọc thân mến,

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu số mới nhất của ACIAR in Vietnam Newsletter với những cập nhật về thông tin dự án, hợp tác giữa ACIAR và đối tác.

Nghành nông nghiệp Việt đang đối mặt với áp lực ngày một gia tăng của biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và nhu cầu thị trường ngày một khắt khe hơn. Thực tế này dẫn đến nhu cầu cấp thiết là đổi mới nền nông nghiệp một cách toàn diện, thiết thực và phù hợp với bối cảnh địa phương.

Đồng thời, Việt Nam cũng đang bước vào giai đoạn quan trọng của quá trình chuyển đổi xanh. Sự quyết tâm, mệnh lệnh quốc gia về tăng trưởng xanh, đưa phát thải ròng về bằng 0, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và xây dựng nền kinh tế nông nghiệp giá trị cao mở ra những cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những nhiệm vụ đầy thử thách về việc đảm bảo sự thích ứng bền vững của nông dân sản xuất nhỏ để họ có thể tham gia và hưởng lợi trong quá trình chuyển đổi này.

ACIAR in Vietnam Newsletter lần này tập hợp những câu chuyện phản ánh cả thách thức và cơ hội đang định hình nền nông nghiệp Việt Nam. Từ việc tìm hiểu tương lai của nông dân và suy ngẫm về 40 năm xây dựng và thực hiện chính sách nông nghiệp - nông thôn kể từ thời kỳ Đổi mới, cho đến phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo cùng với nông dân.

Sợi chỉ xuyên suốt tất cả các câu chuyện là một thông điệp chung: chuyển đổi nông nghiệp bền vững luôn cần sự tham gia của các bên, sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nghiên cứu, nông dân, chính phủ và cộng đồng, với tinh thần sẵn sàng học hỏi, thích ứng và cùng nhau đổi mới.

Chúng tôi hy vọng ấn phẩm này sẽ cung cấp những hiểu biết hữu ích về những con người, ý tưởng và mối quan hệ hợp tác đang góp phần làm nên một nền nông nghiệp Việt kiên cường, năng suất và bền vững hơn.

Chúng tôi luôn mong được lắng nghe chia sẻ của quý vị về ý tưởng hợp tác trong tương lai qua địa chỉ aciarvietnam@aciar.gov.au.

Trân trọng,

ACIAR Việt Nam



Chương trình ACIAR Việt Nam

2025 - 2026: 21 Dự án hiện tại và sắp tới



Kinh doanh nông nghiệp

5

- Thắt thoát lương thực trong chuỗi giá trị cá tra Pangasius ở lưu vực sông Mekong (CS/2020/209).
- Liên kết hoạt động sản xuất của nông hộ nhỏ vào chuỗi thương mại cung ứng bò thịt ở Việt Nam (AGB/2020/189).
- Giám sát số về mức độ tuân thủ VietGAP trong chuỗi giá trị hoa quả của các nông hộ nhỏ ở Tây Bắc cho các thị trường chất lượng cao trong nước và xuất khẩu (AGB/2022/144).
- Tìm hiểu thị trường, chuỗi giá trị và các rào cản trong sản xuất cây dược liệu ở Việt Nam (AGB/2025/101).
- Tăng cường chuỗi giá trị lúa gạo thích ứng với biến đổi khí hậu cùng nông hộ nhỏ ở ĐBSCL (AGB/2025/154).



Thủy sản

5

- Giải quyết các rào cản kỹ thuật chính trong chuỗi cung ứng cá mú tại Việt Nam và Australia thông qua phát triển thức ăn công nghiệp và sản xuất giống nhằm cải thiện lợi nhuận cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (FIS/2022/148).
- Tiềm năng phát triển nghề nuôi bào ngư ở Việt Nam (FIS/2024/125).
- Phát triển nuôi cấy ngọc trai mabé và sinh kế dựa trên ngọc trai mabé ở Việt Nam (FIS/2024/131).
- Hỗ trợ phát triển ngành ngọc trai mabé ở Khánh Hòa, Việt Nam (FIS/2025/117).
- Xây dựng năng lực tiểu vùng sông Mekong để thực hiện các giải pháp kỹ thuật nghề cá trong các chương trình phát triển sông Mekong (FIS/2024/141).



Hệ thống chăn nuôi

1

- Cải thiện nguồn gen gà Châu Á (AsCGG): nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển các giống gà cải tiến giúp cải thiện sinh kế của nông hộ ở Đông Nam Á (LS/2019/142).



Lâm nghiệp | 2

- Quản lý rủi ro an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á (FST/2018/179).
- Xây dựng mạng lưới sức khỏe rừng và an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á (FST/2020/123).



Hệ thống xã hội, kinh tế và chính sách | 2

- Cơ hội và thách thức cho tương lai của các nông hộ nhỏ ở Việt Nam. (SSS/2024/108).
- Phát triển lúa phát thải thấp ở Việt Nam thông qua kinh tế tuần hoàn (SSS/2025/146).



Quản lý đất | 3

- Đánh giá điều kiện đất đai trong sản xuất cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả ở năm tỉnh Tây Nguyên (SLAM/2023/142).
- Xác định tiềm năng chuyển đổi kinh doanh nông nghiệp dựa trên rừng ngập mặn ở khu vực ven biển ĐBSCL (CLIM/2023/190).
- Mở rộng hệ thống canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL (SLAM/2025/114).



Nước | 1

- Vai trò của viễn thám trong hỗ trợ quản lý nước nông nghiệp ở Đông Nam Á (WAC/2023/117).



Trồng trọt | 2

- Các hệ thống sản xuất sẵn kháng bệnh bền vững ở khu vực sông Mekong (CROP/2022/110).
- Hỗ trợ canh tác lúa phát thải thấp, chất lượng cao ở Việt Nam với công cụ giám sát đồng ruộng sử dụng viễn thám trong thời gian thực (CROP/2025/143).



Đại sứ Australia tại Việt Nam, Bà Gillian Bird và Tổng Giám đốc điều hành SunRice, Ông Paul Serra cùng nhóm dự án thăm nhà máy Lấp Vò. Tháng 3, 2026. Ảnh: ACIAR.

Hợp tác nghiên cứu chuỗi giá trị gạo chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL

ACIAR cùng với Đại học Queensland và Tập đoàn SunRice đã công bố tiếp tục hợp tác nghiên cứu để tăng cường sản xuất lúa gạo thích ứng với khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong tháng 3 năm 2026.

Với tổng vốn đồng đầu tư cam kết là 1 triệu đô-la Úc (khoảng 18 tỉ đồng), nghiên cứu sẽ giúp người nông dân sản xuất nhỏ giải quyết các vấn đề liên quan đến khí hậu đang ngày một tăng thêm, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu cao cấp. Dự án sẽ nâng cao năng lực cho các hợp tác xã trên cơ sở đảm bảo về giới, thích ứng với khí hậu, giúp nông dân hoàn thiện các quy trình sau thu hoạch để nâng cao hiệu suất và khả năng truy xuất nguồn gốc, hướng tới các bên thu mua giá trị cao.

Đồng thời, dự án sẽ thúc đẩy công tác nghiên cứu giống để tạo ra các giống lúa chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, sẵn sàng phục vụ thương mại.

Bà Gillian Bird, Đại sứ Australia tại Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác trong lần đầu tiên đến thăm ĐBSCL và Nhà máy Lấp Vò của Sun Rice tại tỉnh Đồng Tháp:

‘Sáng kiến này là minh chứng rõ nét cho quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện giữa Australia và Việt Nam. Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ tăng trưởng xanh và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Tôi rất vui được chứng kiến quan hệ hợp tác công – tư giữa ACIAR và SunRice dựa trên nền tảng lấy khoa học làm đòn bẩy phát triển kinh tế và giúp giảm phát thải.’

Tổng Giám đốc điều hành Tập đoàn SunRice Group, Ông Paul Serra, cho rằng việc hợp tác với ACIAR trong 4 năm qua tại Việt Nam đã mang đến những thành công rõ rệt, cụ thể là phát triển nguồn cung lúa gạo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực và lợi nhuận cho nông dân và giảm chi phí đầu vào. Hoạt động hợp tác mới này cũng rất phù hợp với các mục tiêu trong chương trình Một triệu Héc ta Lúa Chất lượng cao, Phát thải thấp của Việt Nam.



Đại sứ Gillian Bird công bố hợp tác nghiên cứu chuỗi giá trị lúa gạo trong lần đầu đến thăm Nhà máy Lấp Vò.
Ảnh: ACIAR.

‘Bên cạnh những kết quả nói trên, nông dân ĐBSCL cũng đã áp dụng các biện pháp canh tác lúa bền vững. Đây là minh chứng cho thấy nghiên cứu đa ngành có thể mang đến các giải pháp thực tế. Hoạt động nghiên cứu tiếp theo sẽ tìm cách nhân rộng kết quả đã đạt được và phát triển các loại gạo thơm hạt dài phù hợp với các thị trường giá trị cao của SunRice. Đồng thời, nghiên cứu sẽ giải quyết rủi ro khí hậu và yêu cầu ngày một nghiêm ngặt hơn của thị trường - hai vấn đề đang được thế giới hết sức quan tâm.’

ACIAR đã hợp tác với Việt Nam từ năm 1993. Nghiên cứu mới này góp phần củng cố Quan hệ

Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Australia và cam kết chung của đôi bên về nông nghiệp bền vững và bình đẳng giới.

Quyển Tổng Giám đốc điều hành ACIAR, Tiến sĩ Nick Austin, tái khẳng định cam kết hợp tác nhằm giải quyết các vấn đề ưu tiên của Việt Nam và triển khai các sáng kiến do đối tác đề xuất, phục vụ cho lợi ích của nhân dân Việt Nam.

‘Chúng tôi hài lòng với những kết quả tích cực từ dự án hợp tác công – tư trước đây nhằm cải thiện thu nhập và sinh kế cho nông dân sản xuất nhỏ. Việc hợp tác với SunRice đã giúp tạo ra các lộ trình phát triển cho nông dân, hướng tới các thị trường xuất khẩu giá trị cao trong quá trình chuyển dịch sang canh tác nông nghiệp bền vững.’

Đại học Queensland là đơn vị chủ trì dự án, hợp tác với Đại học An Giang, Đại học Cần Thơ, Viện Nghiên cứu Lúa ĐBSCL và Công ty Ricegrowers Việt Nam – thành viên của Tập đoàn SunRice.

Giáo sư Jaquie Mitchell của Đại học Queensland, Giám đốc dự án, cho rằng thành công của dự án là nhờ đội ngũ chuyên gia đa ngành đang hoạt động trong cả khu vực công và tư ở Việt Nam và Australia.

‘Ngay từ khi bắt đầu, chúng tôi đã tin tưởng quan hệ đối tác này sẽ mang lại những tác động thật sự về cả thương mại và phát triển bền vững. Chúng tôi tự hào khi dự án nghiên cứu đã tạo ra lợi ích cho cả chuỗi giá trị, đặc biệt là cho nông dân sản xuất nhỏ. Chúng tôi rất vui mừng được tiếp tục phát huy mối quan hệ hợp tác tốt đẹp này và mang đến những lợi ích lớn hơn nữa cho bà con nông dân ở ĐBSCL.’



Nông dân ĐBSCL áp dụng các biện pháp canh tác lúa bền vững để đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu giá trị cao khi tham gia vào Dự án lúa gạo ĐBSCL (AGB/2018/159) do ACIAR và SunRice đồng tài trợ giai đoạn 2022-2025.
Ảnh do dự án cung cấp.

Tăng cường hợp tác Nam-Nam trong nghiên cứu hệ thống chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu

Chi Nguyễn, Nasser Yao, Hùng Nguyễn và Anthony Whitbread, ILRI

Các nhà khoa học và chuyên gia chăn nuôi từ châu Phi và Đông Nam Á đã gặp mặt tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2026 để tăng cường hợp tác và chia sẻ các giải pháp thực tiễn cho hệ thống chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) thông qua sáng kiến Quỹ Thử thách Khoa học Sinh học Châu Phi-Châu Á (AABCF).



Học viên thăm Trung tâm Nghiên cứu Gia súc và Thức ăn chăn nuôi Ba Vi. Ảnh: ILRI.

Sáng kiến do Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) hợp tác với Đại học Queensland (UQ) và Đại học Melbourne (UoM) thực hiện, nhằm hỗ trợ các nhà khoa học và các tổ chức nghiên cứu về hệ thống chăn nuôi bền vững ở châu Phi và châu Á.

Mười sáu nhà khoa học trẻ từ Ethiopia, Kenya, Tanzania, Việt Nam, Campuchia và Lào đã tham gia chương trình nghiên cứu và đào tạo kéo dài ba tháng liên kết với Trung tâm BecA của ILRI. Họ đã có trải nghiệm thực tế về chẩn đoán, hệ gen, phân tích dữ liệu và các phương pháp chăn nuôi thông minh, đồng thời tham gia phát triển mạng lưới nghiên cứu của khu vực.

Một điểm nhấn quan trọng là hội thảo khu vực về vận hành hệ thống chăn nuôi thích ứng với BĐKH diễn ra tại Hà Nội từ ngày 23-27 tháng 3 năm 2026. Các học viên, nhà khoa học, cán bộ quản lý nhà nước và các đối tác khu vực đã trao đổi kinh nghiệm về sức khỏe động vật, hệ thống chăn nuôi phát thải thấp và chuyển đổi chăn nuôi bền vững. Hội thảo cũng kết nối học viên AABCF với các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, đối tác phát triển và khu vực tư nhân tham dự hội nghị khu vực về ‘Chuyển đổi chăn nuôi bền vững trong hệ thống lương thực, thực phẩm ở Châu Á - Thái Bình Dương’ do ILRI tổ chức tại Hà Nội.

Anh Menghak Phem, Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp Campuchia, chia sẻ: ‘Chương trình đã giúp tôi có trải nghiệm quý giá về hợp tác trong khu vực, tiếp cận công nghệ chọn giống thông minh, thích

ứng với BĐKH. Tôi cũng được tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu khoa học ở các nước nhằm giải quyết những thách thức tương tự về chăn nuôi và khí hậu.’

Trong một tuần, người tham gia chương trình đã cùng nhau tìm hiểu các chủ đề bao gồm phát thải thấp, di truyền vật nuôi, dinh dưỡng, giám sát dịch bệnh động vật và quản lý chăn nuôi dựa trên dữ liệu. Các chuyên gia của ILRI, UQ và UoM đã chia sẻ các nghiên cứu điển hình từ châu Phi, Úc và Đông Nam Á; cùng học viên AABCF thảo luận về cách áp dụng các phương pháp này tại đất nước họ.

Theo TS Ngô Thị Kim Cúc, Viện phó Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam, chương trình không chỉ hữu ích cho người học mà còn đóng góp cho việc thực hiện các ưu tiên phát triển chăn nuôi quốc gia.

Các học viên đến từ Việt Nam, Lào và Campuchia cũng trình bày các nghiên cứu về Một Sức khỏe, bệnh vật nuôi, tái sử dụng nguồn lực, ruồi lính đen và di truyền học. Các cuộc thảo luận nhấn mạnh sự cần thiết phải có thêm dữ liệu cụ thể về khí thải chăn nuôi ở Đông Nam Á—lĩnh vực ILRI và các đối tác khu vực đều quan tâm và muốn tăng cường hợp tác trong tương lai.

Trong chương trình, học viên và người tham dự khác cũng đã đến thăm Trung tâm Nghiên cứu Gia súc và Thức ăn chăn nuôi Ba Vi và Trạm Nghiên cứu và Sản xuất Tinh dịch Đông lạnh MONCADA thuộc Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam. Các đại biểu đã tìm hiểu mô hình phát triển thức ăn chăn nuôi, công thức phối trộn thức ăn và công nghệ cải tiến di truyền hỗ trợ các hệ thống sản xuất chăn nuôi bền vững hơn ở Việt Nam.

Australia và Việt Nam hợp tác tăng cường an ninh sinh học

Monica Finlayson, Tham tán Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Australia

An ninh sinh học không phải là câu chuyện riêng của mỗi quốc gia mà là một trách nhiệm toàn cầu.

Cuối năm ngoái, đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Australia (DAFF) đã đến Việt Nam để tổ chức hội thảo nâng cao năng lực và đào tạo kỹ thuật, trong khuôn khổ thực hiện các cam kết của Australia nhằm củng cố năng lực an ninh sinh học trong khu vực. Chuỗi hoạt động nhấn mạnh sự chia sẻ trách nhiệm giữa Australia và Việt Nam trong lĩnh vực an ninh sinh học, thương mại nông sản an toàn và quản lý chuyên ngành.

Các hoạt động do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia hỗ trợ thực hiện, thông qua Chương trình Đối tác Đông Nam Á - Australia (SEAG2G).

Trong tháng 11 năm 2025, Nhóm Phát triển Năng lực Quốc tế của DAFF đã cùng các chuyên gia của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và tổ chức nghiên cứu quốc tế CAB International (CABI) tổ chức hội thảo kỹ thuật về Hệ thống thông tin quốc gia về giám sát sâu bệnh.

Hội thảo tập trung vào các giải pháp thực tiễn để lên kế hoạch và điều phối hệ thống giám sát sâu bệnh trên cây trồng ở cấp quốc gia và khu vực, bao gồm các phương pháp hỗ trợ báo cáo chính xác tình trạng sâu bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Hội thảo là cơ hội để các đối tác Việt Nam và Australia chia sẻ kinh nghiệm, thách thức và nâng cao sự tự tin trong việc sử dụng các công cụ và hệ thống quản lý thông tin giám sát.

Trong tháng 12 năm 2025, Chương trình Đối tác Tuân thủ của DAFF tiếp tục hợp tác với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật triển khai chương trình đào tạo kéo dài 2 tuần về Hun xông khử trùng (Fumigation), xác minh mức độ tuân thủ và tư vấn kỹ thuật theo Hệ thống Công nhận Hun xông Khử trùng của Australia.

Chương trình được thiết kế để tăng cường năng lực quản lý và hỗ trợ áp dụng đồng nhất các yêu cầu an ninh sinh học của Australia trong lĩnh vực hun xông khử trùng tại Việt Nam. Chương trình bao gồm đào tạo chuyên sâu về hun xông khử trùng bằng methyl bromide cho các cán bộ nhà nước và đại diện doanh nghiệp, và một khóa đào tạo giảng viên để tiếp tục mở rộng công tác đào tạo hun xông khử trùng, qua đó xây dựng năng lực bền vững cho Việt Nam.

Australia và Việt Nam sẽ tiếp tục hợp tác nhằm tăng cường an ninh sinh học, hỗ trợ thương mại nông sản an toàn và tiếp tục là đối tác tin cậy của nhau, tạo ra lợi ích lâu dài cho đôi bên và khu vực.

Liên hệ:

Văn phòng Nông nghiệp tại Đại sứ quán Australia, agriculture.hanoi@dfat.gov.au

Tập huấn luyện hun xông khử trùng (fumigation) theo Hệ thống Công nhận hun xông khử trùng của Australia. Ảnh: DAFF.

AI trong nông nghiệp: cùng nông dân xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định

Sarah Hartman, CSIRO Technology

TS Sarah Hartman đang làm việc tại Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối Thịnh vượng chung (CSIRO) – đối tác của ACIAR. Cô đã có buổi trò chuyện với cán bộ ACIAR về tiềm năng sử dụng AI để thiết kế các giải pháp trong nông nghiệp. Trong bài viết này, TS Hartman cung cấp góc nhìn chuyên gia về việc sử dụng AI trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam.



TS Sarah Hartman và người hướng dẫn cho cô - TS Petra Kuhnert – giới thiệu công cụ AI về tăng trưởng cây trồng trong sự kiện AgCatalyst của CSIRO. Tháng 11/2024. Ảnh do tác giả cung cấp.

Tại Việt Nam, nông nghiệp đóng vai trò thiết yếu đối với sinh kế, an ninh lương thực và xuất khẩu, nhưng cũng đang chịu áp lực ngày càng tăng nhanh từ biến đổi khí hậu, thời tiết khó lường và chi phí đầu vào gia tăng.

AI—các hệ thống máy tính học từ dữ liệu để hỗ trợ con người ra quyết định—đang được sử dụng ngày càng nhiều trong phát hiện sâu bệnh, dự báo năng suất, đánh giá rủi ro khí hậu, hỗ trợ chuỗi cung ứng và tối ưu hóa hoạt động nông trại.

Câu hỏi đặt ra cho Việt Nam không phải là liệu có sử dụng AI trong nông nghiệp hay không, mà là làm thế nào để sử dụng AI cùng với nông dân, nhà khoa học và nhà hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy học hỏi và nâng cao chất lượng của việc ra quyết định.

Dữ liệu chỉ phát huy tác dụng khi phù hợp với nhiệm vụ

Thế kỷ 21 mới bắt đầu nhưng đã chứng kiến quá trình ‘dữ liệu hóa’ diễn ra nhanh chóng trong hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống, tạo điều kiện cho sự chuyển dịch từ phân tích dữ liệu cơ bản sang các hệ thống AI ngày càng mạnh hơn, tích hợp khối lượng lớn thông tin. Tuy nhiên, sự phát triển mở rộng về năng lực kỹ thuật không hẳn lúc nào cũng đồng nghĩa với việc tạo ra lợi ích trong thực tiễn.

So với nhiều quốc gia, dữ liệu từ tổng điều tra nông nghiệp của Việt Nam có độ chi tiết và mức độ cập nhật khá tốt. Tuy nhiên, độ minh bạch của bộ dữ liệu mới chỉ dừng ở mức ‘vừa phải’, vẫn còn dư địa để cải thiện khả năng tiếp cận, khả năng liên thông và tái sử dụng dữ liệu—những yếu tố quan trọng để chuyển biến dữ liệu thành công cụ hỗ trợ ra quyết định phù hợp trong thực tiễn nông nghiệp (Kebede và cộng sự, 2024)¹.

Các quốc gia Đông Nam Á cũng ghi nhận mức độ lạc quan cao nhất trên thế giới về tương lai của AI và khả năng tạo ra sự thay đổi trong cuộc sống (Đại học Stanford, 2026)². Điều này vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra trách nhiệm trong việc phát triển AI hữu ích và đáng tin cậy.

Vượt qua thách thức xã hội và kỹ thuật để xây dựng AI có trách nhiệm

Phương pháp tiếp cận ‘Có trách nhiệm, Định hướng Ứng dụng’ (Responsible, Application-driven Approach - RAD)³ sẽ giúp đảm bảo AI mang đến lợi

¹Kebede và cộng sự (2024), ‘Assessing and addressing the global state of food production data scarcity’

²Đại học Stanford (2026), ‘Artificial Intelligence Index Report’

³Sarah và cộng sự (2025), ‘Position: We Need Responsible, Application-Driven (RAD) AI Research’



ích ý nghĩa về khoa học và xã hội. Cách tiếp cận này tập trung vào việc đồng thiết kế AI với người dùng cuối có tính đến bối cảnh thực tế. Trong nông nghiệp, điều này có nghĩa là:

- thiết kế công cụ có tính đến những điểm khác biệt, cơ hội, vấn đề về pháp luật và đạo đức đặc trưng của mỗi vấn đề cần giải quyết
- các phương pháp mô hình hóa có thể giải thích dễ hiểu với người dùng
- phát triển hệ thống theo hướng lặp, sử dụng các công cụ thử nghiệm số để sớm phát hiện các rủi ro và hệ quả không mong muốn. Điều này giúp bảo đảm các công cụ AI có trách nhiệm, có thể nhân rộng và phục vụ cho thế giới thực.

Vì sao đồng thiết kế quan trọng

Nhiều công cụ số thất bại vì thiết kế xa rời thực tế sản xuất nông nghiệp. Đó là lý do vì sao việc đồng thiết kế—các nhóm liên ngành làm việc chặt chẽ với nông dân, cán bộ khuyến nông và nhà nghiên cứu—là điều thiết yếu.

Tại CSIRO Technology, chúng tôi nghiên cứu chính quá trình đồng thiết kế để hiểu tác dụng của việc hợp tác với người dùng trong quá trình nâng cao tính khả dụng và mức độ tin cậy của các công cụ AI cho cây trồng.

Đồng thiết kế giúp bảo đảm rằng công cụ AI phù hợp với các thời điểm ra quyết định theo thực tế mùa vụ, sử dụng ngôn ngữ rõ ràng và các khái niệm quen thuộc, và thể hiện các yếu tố bất định theo cách hữu ích cho việc giảm thiểu rủi ro.

Đối với Việt Nam, nơi có các hệ thống canh tác đa dạng và thường ở quy mô nhỏ, đồng thiết kế có thể giúp gắn kết công nghệ mới với tri thức bản địa, thể chế và các hệ thống sẵn có.

Dân chủ hóa mô hình cây trồng

Cách tiếp cận RAD đặc biệt có giá trị trong lĩnh vực mô hình hóa cây trồng. Rất nhiều quyết định trên đồng ruộng—ví dụ như khi nào gieo hạt, bón bao nhiêu phân, hay ứng phó ra sao trước thay đổi thời tiết—thường được đưa ra khi vẫn còn nhiều yếu tố bất định. AI có thể hỗ trợ bằng cách cho phép người dùng khám phá các kịch bản ‘nếu-thì’, cho thấy những lựa chọn khác nhau sẽ diễn ra như thế nào theo từng điều kiện thời tiết và với các biện pháp can thiệp khác nhau.

Chúng tôi đang đồng thiết kế một mô hình sinh trưởng cây trồng dựa trên AI, mô phỏng theo mô hình cơ giới APSIM đã thành công. Công cụ này sẽ tính đến sự tương tác giữa các yếu tố trong thực tế, đồng thời cung cấp các khoảng tin cậy—yếu tố

Không phải mục tiêu lúc nào cũng là tối đa năng suất. Có thể nhu cầu chỉ là chuẩn bị phương án để một người nông dân có thể dự đoán cưới của con gái mình. Giải pháp AI tốt là giải pháp phù hợp với thực tế và nhu cầu trong đời sống con người.



then chốt cho các quyết định được đưa ra trong điều kiện bất định.

Khi chính người sử dụng tham gia đồng thiết kế, những công cụ như vậy sẽ hỗ trợ họ ra quyết định thích ứng với khí hậu trong suốt mùa vụ, sử dụng đầu vào hiệu quả hơn và tạo điều kiện cho các trao đổi rõ ràng hơn giữa nông dân và cán bộ khuyến nông.

Quan trọng hơn, các công cụ này không nhằm thay thế chuyên môn, mà để hỗ trợ con người đưa ra phán đoán, đặc biệt là giúp điều hướng các kịch bản phức tạp trước khi chúng thực sự xảy ra trên đồng ruộng.

Học hỏi từ các giới hạn, không chỉ từ thành công

Các nỗ lực đồng thiết kế cho thấy kết quả thành công và những điểm giới hạn mang lại giá trị thông tin quan trọng như nhau: phản hồi ‘tôi sẽ không dùng nó’ có giá trị tương đương với đánh giá ‘cực kỳ hữu ích’, bởi cả hai đều làm lộ ra các điều kiện biên làm nên một công cụ AI phù hợp với mục đích sử dụng.

Các bên liên quan liên tục khẳng định sự hào hứng với năng lực của AI, nhưng họ xác định AI là công cụ hỗ trợ chứ không thay thế phán đoán của con người, đặc biệt trong những thời điểm bất định nhất của việc làm nông. Như một nhà cung cấp AgTech đã nhận xét, hệ thống ‘cần hỗ trợ việc ra quyết định trong mùa vụ vì đó thường là những quyết định khó nhất.’

Khi được thiết kế tốt, các hệ thống này cũng trở thành công cụ học tập: Các kịch bản nếu-thì giúp người học hiểu điều gì sẽ xảy ra mà không cần phải tự mình trải qua những việc này từ trước.

Sau cùng, tiềm năng thực sự của AI trong nông nghiệp không chỉ ở dự báo hay tối ưu hóa, mà ở việc xây dựng các hệ thống cùng con người học tập, hỗ trợ họ ra quyết định và phù hợp với đời sống nông nghiệp trong thực tế.

Định hướng phát triển ngành nông nghiệp và môi trường Việt Nam

Trần Công Thắng,
Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường



Ảnh: ACIAR

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, biến động kinh tế toàn cầu và yêu cầu phát triển bền vững ngày càng gia tăng, ngành nông nghiệp và môi trường Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi mới. Trong bài viết này, TS Trần Công Thắng, Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường (ISPAE) sẽ chia sẻ về định hướng phát triển giai đoạn tới của Việt Nam, không chỉ tập trung duy trì tăng trưởng mà còn hướng tới nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp, quản lý hiệu quả tài nguyên và thúc đẩy chuyển đổi xanh theo hướng bền vững, phát thải thấp.

Trong những năm gần đây, nông nghiệp Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là 'trụ đỡ' của nền kinh tế. Không chỉ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ngành nông nghiệp còn góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao vị thế Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Hiện nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11,64% GDP cả nước (2025), đồng thời tạo việc làm cho khoảng 25,7% lực lượng lao động có việc làm. Quy mô sản xuất nông nghiệp ngày càng mở rộng với khoảng 9 triệu hộ nông dân, hơn 22.500 hợp tác xã nông nghiệp, 101 liên

hiệp hợp tác xã cùng gần 20.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Sức chống chịu và khả năng thích ứng của ngành

Một trong những thành tựu nổi bật nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam là duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong nhiều năm liên tiếp. Giai đoạn vừa qua, ngành đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 3,74%/năm, đóng góp 8,71% vào tổng mức tăng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; riêng năm 2025 đạt mức tăng 3,78%. Trong bối cảnh nhiều lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh từ suy giảm kinh tế toàn cầu, ngành nông nghiệp đã chứng minh được khả năng chống chịu và thích ứng cao.

Kết quả này không chỉ đến từ năng lực sản xuất của ngành mà còn gắn với những thay đổi lớn về tư duy quản lý và định hướng phát triển trong thời gian gần đây.

Quản trị tích hợp nông nghiệp – tài nguyên – môi trường

Trong khoảng hai năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều thay đổi lớn về cấu trúc quản lý và định hướng phát triển, tạo tác động sâu rộng đến ngành nông nghiệp. Nổi bật là việc hình thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở sáp nhập các lĩnh vực liên quan nhằm tăng tính đồng bộ trong quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững. Sau sáp nhập, bộ máy được tinh gọn đáng kể, giảm khoảng 45% đầu mối hành chính và hơn 37% đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

Sự thay đổi này phản ánh tư duy phát triển mới của Việt Nam: phát triển nông nghiệp gắn liền với quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hiện quản lý tổng hợp nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tài nguyên nước, đất đai, môi trường, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo... qua đó giúp nâng cao hiệu quả điều phối chính sách và thúc đẩy phát triển bền vững theo hướng liên ngành, liên vùng.

Không đánh đổi môi trường cho tăng trưởng kinh tế

Ngành nông nghiệp và môi trường đang phải đối mặt với nhiều thách thức như áp lực tăng trưởng kinh tế cao, nguy cơ khai thác quá mức tài nguyên, ô nhiễm môi trường và yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn xanh từ thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam xác định rõ định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2026–2030 theo hướng ‘xanh, hiệu quả, bền vững và

phát thải thấp’. Các mục tiêu kinh tế – xã hội chính bao gồm:

- tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp đạt khoảng 3,7–4%/năm
- kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng 10–12%/năm
- thu nhập cư dân nông thôn tăng gấp 2,5–3 lần so với năm 2020
- cơ bản không còn hộ nghèo vào năm 2030.

Đi kèm với các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội nói trên là hàng loạt mục tiêu về môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu như:

- duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức trên 42%
- giảm phát thải khí nhà kính tối thiểu 15,8%
- nâng tỷ lệ xử lý chất thải rắn nông thôn lên 85%
- mở rộng các khu bảo tồn biển và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái.

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học

Việc hoàn thiện quy hoạch, tăng cường giám sát tài nguyên và thực hiện các cam kết quốc tế về khí hậu cũng được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển thời gian tới.

Nhà nước chú trọng quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đồng thời phục hồi các hệ sinh thái quan trọng nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước và bảo vệ đa dạng sinh học.

Công tác bảo vệ môi trường được tăng cường theo hướng chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế.

Thay đổi để thúc đẩy sản xuất quy mô lớn, giá trị cao

Song song với việc đổi mới mô hình quản lý, Việt Nam cũng đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều định hướng chiến lược quan trọng, đặc biệt là các nghị quyết lớn về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân và hoàn thiện thể chế.

Việc sáp nhập tỉnh, xã mở thêm dư địa cho phát triển kinh tế. Chính phủ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương trong hầu hết các lĩnh vực, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu chi phí giao dịch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân phát triển.

Những thay đổi này mở ra nhiều cơ hội cho ngành nông nghiệp như tập trung, tích tụ đất đai, phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và nâng cao giá trị gia tăng.

Đối mặt với thách thức mới nổi

Trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển đầy tham vọng, Việt Nam cũng cần quan tâm đến chiến lược thích ứng với những biến động toàn cầu, phi truyền thống. Ví dụ, một trong những thách thức mới nổi đặc biệt gần đây là xung đột chính trị và các biện pháp thuế của Mỹ. Xung đột chính trị Nga-Ucraina, Mỹ-Iran đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới ngành nông nghiệp và môi trường, gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng, xuất khẩu nông sản ảnh hưởng, giá nguyên liệu vật tư đầu vào tăng tác động tới chi phí sản xuất và lợi nhuận của nông dân, doanh nghiệp.

Để ổn định sản xuất và đời sống người dân, Chính phủ đã có những chính sách và giải pháp quan trọng để ổn định xăng dầu và chi phí đầu vào như giảm thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng xăng, dầu và nguyên liệu sản xuất xăng dầu, giảm 2% thuế GTGT với nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp.

Nông dân là trung tâm của quá trình phát triển

Trong toàn bộ quá trình chuyển đổi này, con người, đặc biệt là nông dân, được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình hiện đại hóa sản xuất.

Quan điểm phát triển mới của Việt Nam nhấn mạnh nông nghiệp – nông dân – nông thôn là một chỉnh thể thống nhất. Trong đó, nông dân là trung tâm và chủ thể của quá trình phát triển; nông thôn là không gian phát triển chiến lược; còn nông nghiệp là lợi thế quốc gia.

Hợp tác quốc tế

Trong thời gian tới, hợp tác quốc tế tiếp tục đóng vai trò quan trọng đối với phát triển nông nghiệp. Việt Nam kỳ vọng mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực như nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, chuyển đổi số và phát triển chuỗi giá trị bền vững. Các tổ chức quốc tế như ACIAR có thể trở thành đối tác chiến lược trong đánh giá tư vấn chính sách, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển mô hình nông nghiệp bền vững, chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Ngành nông nghiệp và môi trường Việt Nam đang đứng trước cả cơ hội và thách thức lớn trong giai đoạn phát triển mới. Với nền tảng thành tựu đã đạt được cùng quyết tâm đổi mới mạnh mẽ về thể chế, công nghệ và mô hình tăng trưởng, đầu tư hạ tầng, con người, ngành sẽ tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, đồng thời trở thành động lực quan trọng cho phát triển xanh và bền vững của đất nước trong tương lai.





Ảnh: Đại học Cần Thơ

Kinh nghiệm từ 40 năm xây dựng chính sách nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam: Hàm ý chính sách cho giai đoạn mới

Tiho Ancev, Gordon McAulau, Dong Wang, Chi Nguyễn, Trương Thị Thu Trang,
Trần Công Thắng và Nguyễn Chí Trung
Dự án ACIAR: SSS/2023/138

Một dự án nghiên cứu do ACIAR hỗ trợ đã chỉ ra giai đoạn phát triển tiếp theo của nền nông nghiệp Việt sẽ cần ưu tiên phát triển các gói chính sách đồng bộ, được thiết kế phù hợp với bối cảnh địa phương, nhu cầu thực tế của người dân và dựa trên kết quả của những nhóm chính sách đã chứng minh được tính phù hợp trong bốn thập kỷ qua, đặc biệt là nhóm chính sách về đất đai và phát triển nông thôn.

Nông nghiệp Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nổi bật nhất trên thế giới. Kể từ công cuộc Đổi mới năm 1986, Việt Nam đã chuyển từ một nước thiếu lương thực, năng suất lao động thấp trở thành quốc gia sản xuất nông

ng nghiệp, có năng lực cạnh tranh toàn cầu đối với nhiều mặt hàng nông sản chủ lực.

Tuy nhiên, giai đoạn phát triển tiếp theo đang đặt ra nhiều thách thức: tốc độ tăng năng suất đã chậm dần, môi trường chính sách ngày càng phức tạp và nhiều hộ nông dân nhỏ, đặc biệt là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số và các hộ ở vùng sâu, vùng xa vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận cơ hội.

Trong bối cảnh đó, việc hiểu rõ chính sách nào thực sự hiệu quả và hiệu quả đối với nhóm đối tượng nào sẽ đóng vai trò then chốt cho giai đoạn phát triển mới.

Dự án nghiên cứu do Đại học Sydney phối hợp thực hiện với Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường (ISPAE) cùng một số đơn vị liên quan, đã đánh giá hiệu quả chính sách trong suốt bốn thập kỷ qua.

Thay vì đánh giá từng chính sách riêng lẻ, nghiên cứu đã phân tích các nhóm chính sách trong nông nghiệp, nông thôn như đất đai, tín dụng, đầu tư, khuyến nông, hợp tác xã, phát triển nông thôn và giảm nghèo. Đồng thời, các chiến lược quốc gia và chiến lược ngành được áp dụng qua các chu kỳ kế hoạch 5 năm liên tiếp cũng được xem xét và phân tích. Các kết quả nghiên cứu hiện đang được sử dụng để hỗ trợ quá trình xây dựng Chiến lược phát triển ngành nông nghiệp và môi trường Việt Nam.

Nhóm chính sách mang lại hiệu quả ổn định

Trong suốt bốn thập kỷ qua, nhóm chính sách về đất đai và phát triển nông thôn có mối liên hệ rõ ràng và ổn định nhất với các kết quả tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Các chính sách này đã góp phần thúc đẩy tăng năng suất, giảm nghèo và cải thiện thu nhập cho người dân nông thôn.

Công tác hoạch định chiến lược cũng đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn theo thời gian, khi quá trình cải cách đã diễn ra một thời gian và cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các chương trình nhằm duy trì kết quả đạt được và tránh tình trạng phân mảnh chính sách.

Nhóm chính sách có hiệu quả khác nhau tùy bối cảnh

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tác động của chính sách thay đổi đáng kể tùy theo địa bàn, thời điểm, lĩnh vực và nhóm đối tượng thụ hưởng.

Ví dụ, các chính sách ưu đãi đầu tư thường gặp khó khăn trong việc chuyển hóa vốn đầu tư thành tăng năng suất và thu nhập thực tế. Tương tự, các chính sách tín dụng có tác động không đồng đều; trong nhiều trường hợp, tín dụng chủ yếu giúp hộ gia đình ứng phó với rủi ro và duy trì tiêu dùng thay vì tạo ra cải thiện dài hạn về sử dụng công nghệ hay quản lý sản xuất.

Ưu tiên khác nhau của các hộ sản xuất nông nghiệp cũng là một yếu tố giúp giải thích các phát hiện nói trên. Các hộ tham gia những ngành thâm dụng vốn như chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp thường ưu tiên tiếp cận tín dụng. Trong khi đó, các hộ sản xuất nhỏ và hộ tham gia vào

hoạt động sản xuất thâm dụng lao động lại quan tâm đến các chính sách về tiếp cận đất đai và thị trường đất đai. Vì vậy, việc áp dụng ‘một chính sách cho tất cả’ thường sẽ không đáp ứng được đúng và đủ các nhu cầu thực tế của từng nhóm đối tượng.

Nhóm chính sách dài hạn có ý nghĩa lâu dài

Các chính sách phát triển năng lực như khuyến nông, hợp tác xã, chuyển giao công nghệ và đào tạo góp phần giảm nghèo và tăng thu nhập, tuy nhiên tác động của chúng thường xuất hiện chậm và tích lũy theo thời gian.

Trải nghiệm là yếu tố quan trọng quyết định nhu cầu tham gia đào tạo: những hộ đã từng được đào tạo thường có xu hướng tiếp tục tìm kiếm sự hỗ trợ. Điều này cho thấy các chương trình nâng cao năng lực được thiết kế tốt có thể tạo ra lợi ích tích lũy theo thời gian, khi người được đào tạo phát triển kĩ năng và trở nên tự tin hơn.

Đề xuất cho giai đoạn phát triển mới

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy, làn sóng cải cách thể chế và chính sách tiếp theo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cần hướng tới việc thiết kế các gói chính sách đồng bộ, có lộ trình và phù hợp với điều kiện địa phương và đối tượng hưởng thụ, thay vì tiếp tục xây dựng nhiều công cụ chính sách rời rạc.

Các ưu tiên chính bao gồm:

- Giảm các rào cản của thị trường đất đai đối với những nhóm khó tiếp cận đất đai, đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp.
- Tăng tính linh hoạt trong lựa chọn cơ cấu cây trồng trên đất nông nghiệp.
- Xây dựng chính sách tài chính và đầu tư nhằm hỗ trợ tốt hơn việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất và sự tham gia của hộ sản xuất nhỏ.
- Nhân rộng các mô hình khuyến nông, hợp tác xã và đào tạo đã chứng minh được tính hiệu quả trong thực tiễn.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: GS Tiho Ancev, tiho.ancev@sydney.edu.au



Tương lai nông hộ nhỏ ở Việt Nam

Nguyễn Lệ Hoa, Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường

Dự án ACIAR: SSS/2024/108



Cán bộ nghiên cứu của ISPAE thăm các nông hộ nhỏ trong quá trình thực hiện dự án. Tháng 6, 2025. Ảnh: ISPAE.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới nền nông nghiệp hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu, việc hiểu và hỗ trợ nông hộ nhỏ có ý nghĩa then chốt đối với tăng trưởng bao trùm và bền vững. Một nghiên cứu hợp tác giữa Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường và Đại học Canberra đã tìm hiểu các kịch bản và cách thức hỗ trợ nông dân tăng cường sinh kế và khả năng chống chịu trong tương lai.

Nông nghiệp vẫn là một trong những trụ cột của nền kinh tế Việt Nam, đóng góp mức tăng trưởng hơn 3% mỗi năm trong những năm gần đây. Không chỉ cung cấp lương thực, nguyên liệu; nông nghiệp còn đóng góp xuất khẩu nông sản đạt mức kỷ lục 70 tỷ USD năm 2025.

Áp lực ngày càng lớn lên 'xương sống' của nền nông nghiệp

Các hộ nông dân sản xuất nhỏ chiếm gần 90% trong tổng số khoảng 9 triệu hộ nông nghiệp của cả nước, giữ vai trò trung tâm trong những thành tựu nói trên. Tuy nhiên, phần lớn các hộ vẫn có quy mô nhỏ và manh mún, khả năng tiếp cận rất hạn chế với tài chính, thị trường và công nghệ.

Trung bình mỗi hộ canh tác dưới một hecta đất, chia thành nhiều thửa nhỏ, gây khó khăn cho việc áp dụng cơ giới hóa và công cụ số, giảm sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường toàn cầu.



Thách thức lớn nhất không phải là đất đai hay công nghệ mà là con người. Đầu tư vào nguồn nhân lực sẽ quyết định việc các nông hộ nhỏ có thể thích ứng, đổi mới và duy trì khả năng chống chịu hay không

TS Trần Đức Viên, chuyên gia chính sách nông nghiệp



Trong khi đó, dân số nông thôn Việt Nam đang già hóa, độ tuổi trung bình của lao động nông nghiệp đã tăng lên trên 50 tuổi. Phần lớn lao động nông thôn chưa được đào tạo nghề bài bản; chỉ khoảng 6% có trình độ đại học.

Hạn chế về liên kết với doanh nghiệp cũng là một rào cản lớn. Nghiên cứu về nông dân cho thấy những hộ tham gia liên kết sản xuất đạt năng suất và thu nhập cao hơn, nhưng trong thực tế, chỉ có chưa đến 3% nông hộ nhỏ có liên kết trực tiếp với doanh nghiệp nông nghiệp và khoảng một phần tư tham gia hợp tác xã. Nhiều hộ nông thôn không có đủ tích lũy để đầu tư vào thiết bị hiện đại hoặc ứng phó với các cú sốc về thời tiết.

Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn, đặc biệt tại đồng bằng sông Cửu Long và các vùng ven biển miền Trung. Khoảng 73% hộ nông thôn đã chịu tác động từ thiên tai và dịch bệnh cây trồng, vật nuôi trong những năm gần đây. Phần lớn phải dựa vào nguồn lực tự có để ứng phó, thường bằng cách cắt giảm chi tiêu hoặc bán tài sản—khiến khả năng chống chịu trong dài hạn của nông hộ nhỏ bị suy giảm.

Hàm ý chính sách và con đường phía trước

Để giải quyết được những thách thức nêu trên, cần có sự hợp tác của chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng nông thôn và các nhà nghiên cứu. Những kết quả nghiên cứu nói trên đã và đang góp phần định hướng các khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường liên kết nông dân với thị trường, mở rộng đào tạo và hỗ trợ các cơ chế tài chính bao trùm cho nông hộ nhỏ.



Cán bộ nghiên cứu của ISPAE và Đại học Canberra trao đổi cùng đại diện doanh nghiệp nông nghiệp và nông dân. Tháng 1, 2026. Ảnh: ISPAE.

Nghiên cứu đề xuất ba định hướng chiến lược cho tương lai của các nông hộ nhỏ tại Việt Nam:

1. Đầu tư vào con người: Tăng cường giáo dục nông nghiệp, đào tạo nghề và kỹ năng số nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
2. Tạo điều kiện cho nông dân đầu tư: Tăng cường khả năng tiếp cận tài chính, tiết kiệm và bảo hiểm phù hợp để nông dân có thể tái đầu tư vào sản xuất và quản lý rủi ro.
3. Xây dựng các tổ chức hợp tác vững mạnh: Thúc đẩy hợp tác xã, nhóm sản xuất và liên kết với doanh nghiệp nông nghiệp nhằm mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả kinh tế, mở rộng khả năng tiếp thị và tham gia sâu vào chuỗi giá trị.

Với sự đầu tư liên tục cho khoa học, năng lực nghiên cứu và các mối quan hệ hợp tác bao trùm, các nông hộ nhỏ không chỉ là người sản xuất lương thực mà còn có thể trở thành những tác nhân quan trọng làm nên một nền nông nghiệp xanh hơn, thông minh hơn và có khả năng chống chịu tốt hơn cho đất nước.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Leonie Pearson, leonie.pearson@canberra.edu.au

Cán bộ dự án: Nguyễn Lệ Hoa, nguyenlehoa@gmail.com

Đầu tư thông minh cho tương lai nông nghiệp Việt

Đỗ Nam Thắng, Nguyễn Nhật Mai, Lê Thị Hà Liên và Chu Hoàng Long
Dự án ACIAR: SSS/2024/132

Nghiên cứu mới của ACIAR đã chỉ ra một nghịch lý: mặc dù nông nghiệp luôn được xác định là ưu tiên quốc gia nhưng lĩnh vực này chỉ nhận được mức đầu tư tương đối thấp. Điều này đặc biệt đáng quan tâm vì nông nghiệp không chỉ tạo ra giá trị kinh tế cao mà còn có vai trò quan trọng trong tăng trưởng dài hạn.

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh bên cạnh các cam kết phát triển bền vững. Để đạt được điều đó, cần phải nâng cao hiệu quả nông nghiệp—ngành giữ vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và sinh kế nông thôn.

Nhóm nghiên cứu của Đại học Quốc gia Úc đã phối hợp với các đối tác Việt Nam tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2020–2024 và xác định các ưu tiên trong thời gian tới.

Dự án có sự tham gia của nhiều cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tổng cục Thống kê, cùng các viện nghiên cứu của Việt Nam.



Ảnh: ACIAR

Đầu tư thông minh

Dù Việt Nam đang đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, nông nghiệp vẫn đóng góp khoảng 12–13% GDP và tạo việc làm cho 14–17 triệu người mỗi năm. Tuy nhiên, mức đầu tư vào nông nghiệp chưa tương xứng với giá trị mà ngành tạo ra. Đây là thực tế ở hầu hết các địa phương và là vấn đề cần được quan tâm, vì đầu tư là yếu tố then chốt để nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và tăng trưởng.

Nông nghiệp là một lĩnh vực chiến lược của Việt Nam. Nếu đầu tư đúng hướng, nó sẽ tạo ra lợi ích kinh tế và xã hội rất lớn.

Giáo sư Chu Hoàng Long, Giám đốc dự án, Đại học Quốc gia Úc.

Điều gì cần thay đổi?

Nghiên cứu đề xuất dịch chuyển trọng tâm đầu tư sang các mô hình sản xuất có giá trị cao và bền vững hơn. Cụ thể: phát triển nông nghiệp xanh, giảm phát thải, sử dụng hiệu quả nước và phân bón, ứng dụng công nghệ, tự động hóa và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn—như tái sử dụng rơm rạ và chất thải nông nghiệp.

Các công nghệ này đã có sẵn, nhưng thách thức là làm sao để nông dân và doanh nghiệp triển khai áp dụng ở quy mô lớn. Điều này đòi hỏi tăng cường vai trò của hợp tác xã, phát triển các mô hình kinh doanh do nông dân làm chủ và thiết kế các cơ chế tài chính huy động được cả nguồn vốn công và tư.

Khai thác tiềm năng kinh tế lớn

Kết quả mô hình phân tích cho thấy nếu đầu tư vào nông nghiệp tăng dần lên ngang mức trung bình của nền kinh tế trong 20 năm tới, GDP của Việt Nam vào năm 2045 có thể cao hơn khoảng 0,7% (tương đương khoảng 10 tỷ USD theo giá hiện nay). Điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn giúp cải thiện thu nhập và khả năng chống chịu của khu vực nông thôn.

Nghiên cứu đã cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách trong việc xác định các giải pháp thực tiễn để phát triển nông nghiệp xanh và hiệu quả hơn. Việc tăng cường trao đổi với chuyên gia quốc tế và nâng cao năng lực cũng rất cần thiết trong giai đoạn tới.

TS Tạ Đình Thi, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

Giai đoạn phát triển chính sách quan trọng

Các kết quả nghiên cứu nói trên được công bố vào thời điểm Việt Nam đang cải cách bộ máy quản lý, điều chỉnh ưu tiên đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Các khuyến nghị thực tiễn từ nghiên cứu có thể giúp huy động hiệu quả hơn cả nguồn vốn công và tư vào nông nghiệp.

Đây cũng là giá trị của các chương trình hợp tác do ACIAR hỗ trợ: kết nối nghiên cứu chất lượng cao với thực tiễn chính sách và nhu cầu phát triển.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: GS Chu Hoàng Long, long.chu@anu.edu.au

Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho nông hộ nhỏ trồng cây ăn quả tại Tây Bắc

Sophia Thạch, Trung tâm Nghiên cứu Làm vườn Ứng dụng (AHR)
Dự án ACIAR: AGB/2022/144



TS Nguyễn Thị Thu Hương (FAVRI) hỗ trợ kỹ thuật cho Hợp tác xã Nông nghiệp Bản Chũm. Ảnh: FAVRI.

Các nông hộ trồng xoài và thanh long quy mô nhỏ tại Sơn La đang áp dụng các biện pháp canh tác đạt chuẩn VietGAP và công cụ truy xuất nguồn gốc số để tiếp cận các thị trường bán lẻ giá trị cao. Bước đầu, việc kết hợp nâng cao an toàn thực phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc và định vị thương hiệu đã cho thấy những tín hiệu khả quan, giúp nông dân sản xuất nhỏ bước ra khỏi các thị trường mua bán tại địa phương và tham gia các chuỗi cung ứng ổn định, giá trị cao.

Khởi động vào tháng 9 năm 2025, dự án 'Giám sát số về mức độ tuân thủ VietGAP trong chuỗi giá trị cây ăn quả của các nông hộ nhỏ ở Tây Bắc cho thị trường chất lượng cao trong nước và thị trường xuất khẩu tiềm năng' ra đời nhằm tăng cường tiếp cận thị trường cho các nông hộ nhỏ thông qua chứng nhận VietGAP, truy xuất nguồn gốc và củng cố liên kết thị trường.

Thách thức

Các vườn cây ăn quả ở Tây Bắc phát triển nở rộ trong những năm gần đây, nhưng công tác phát

triển thị trường chưa tương xứng với tốc độ sản xuất. Năm 2022, sản lượng xoài và thanh long tăng lần lượt 39% và 33%, gây ra dư thừa nguồn cung nông sản trong nước, khiến giá bán tại vườn sụt giảm tới 50%.

Nông dân thường phải chấp nhận giá bán tại vườn. Họ không có cơ hội tiếp cận các thị trường bán lẻ giá trị cao hay xuất khẩu vì nhiều nguyên do, bao gồm: thiếu thông tin về yêu cầu của thị trường, chất lượng quả không đồng đều, hạn chế trong xử lý sau thu hoạch, tuân thủ quy định an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

Khách hàng của các thị trường giá trị cao coi trọng vấn đề an toàn thực phẩm và chất lượng đồng đều. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn này là điều kiện tiên quyết để nông dân có được thị trường ổn định, lợi nhuận tốt.

Xây dựng nền tảng cho tiếp cận thị trường

Dự án đang làm việc cùng ba hợp tác xã—một hợp tác xã sản xuất xoài và hai hợp tác xã sản xuất thanh

long, với sự tham gia của 20 nông hộ trên tổng diện tích canh tác 23,5 ha. Nông dân tham gia gồm người dân tộc Thái và Kinh, tất cả đều có kinh nghiệm sản xuất đạt chứng nhận VietGAP hoặc xuất khẩu.

Việc sử dụng các công cụ truy xuất nguồn gốc số là một phần quan trọng của quá trình chuyển đổi. Nông hộ đều thể hiện sự sẵn sàng về cả tinh thần và năng lực, bao gồm mức độ hiểu biết và đường truyền internet ổn định, để bắt đầu sử dụng công cụ số. Dự án đang làm việc cùng nhà cung cấp ứng dụng để tích hợp các tính năng theo dõi khả năng tuân thủ VietGAP, tích hợp bản đồ GPS và theo dõi nhiệt độ sản phẩm.

Dự án cũng hỗ trợ các hợp tác xã củng cố và định vị thương hiệu. Trong tháng 4 năm 2026, dự án đã tổ chức hội thảo để cùng nông dân xác định các thể mạnh cạnh tranh—từ chất lượng đến thổ nhưỡng, câu chuyện của người trồng—để xây dựng định vị thương hiệu cao cấp.

Điều đáng mừng nhất là các hợp tác xã bắt đầu biết cách làm việc chung, họ chia sẻ kiến thức, thu hoạch theo tiêu chuẩn và hỗ trợ lẫn nhau. Điều này rất quan trọng để xây dựng năng lực lâu dài.

*Liam-Southam-Rogers,
Trung tâm Nghiên cứu Làm vườn Ứng dụng (AHR)*

Kết nối nông dân với thị trường cao cấp

Dự án đang tiếp xúc với các siêu thị bán lẻ tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Do sự khác biệt về mùa vụ, xoài Sơn La có thể phục vụ cho thị trường miền Nam khi các vườn xoài phía Nam vào mùa sản xuất thấp điểm.

Người tiêu dùng cũng cho rằng xoài và thanh long miền Bắc có chất lượng và hương vị vượt trội. Dự án sẽ hỗ trợ nông dân phát huy lợi thế cạnh tranh này bằng cách tích hợp thêm khả năng truy xuất nguồn gốc và chứng nhận VietGAP để có được thương hiệu mạnh hơn và quan hệ hợp tác thương mại tin cậy hơn.

Các hợp tác xã rất tích cực đón nhận công cụ truy xuất nguồn gốc số, tuân thủ tiêu chuẩn VietGAP và từng bước thiết lập liên kết thị trường. Đây là cơ sở quan trọng để phát triển các chuỗi giá trị toàn diện, bao trùm.

TS Nguyễn Quốc Hùng, Giám đốc dự án tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu Rau quả (FAVRI)

Kế hoạch tiếp theo

Hiện nay, các nông hộ tham gia dự án đã được tái chứng nhận VietGAP và bắt đầu sử dụng ứng dụng truy xuất nguồn gốc, cho phép họ theo dõi nông sản theo thời gian thực từ nông trại đến thị trường. Dự án sẽ tiếp tục hướng dẫn nông dân kỹ thuật xử lý sau thu hoạch, tập trung vào việc giảm thiểu tổn thất và cải thiện hình thức và chất lượng nông sản.

Các hoạt động này đang góp phần nâng cao thương hiệu trái cây Sơn La và thu nhập cho nông dân.

Tìm hiểu thêm về dự án tại www.sonlafruit.com.

Đối tác dự án

Dự án do Trung tâm Nghiên cứu Làm vườn Ứng dụng phối hợp với Viện Nghiên cứu Rau quả (FAVRI), Viện Khoa học Nông lâm nghiệp Miền núi Phía Bắc (NOMAFSI), và Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) thực hiện.



*Các hợp tác xã trồng xoài và thanh long tham gia hội thảo bồi dưỡng năng lực tiếp thị tại Sơn La tháng 4 năm 2026.
Ảnh: FAVRI*

Liên hệ:

Giám đốc dự án: GS Gordon Rogers, gordon@ahr.com.au
Giám đốc dự án tại Việt Nam: TS Nguyễn Quốc Hùng,
hungnqrifav@gmail.com



Hoa cát cánh thường được sử dụng trong các bài thuốc chữa trị bệnh về đường hô hấp.
Ảnh: Đào Văn Núi, Viện Dược liệu

Cơ hội và thách thức cho ngành dược liệu Việt

Stephen Harper, Nguyễn Thị Bình, Trần Minh Tiến và Phan Thúy Hiền
Dự án ACIAR: AGB/2025/101

Dược liệu từ lâu là một phần quan trọng trong đời sống người dân Việt Nam, đặc biệt với các cộng đồng dân tộc thiểu số nơi việc tiếp cận dịch vụ y tế hiện đại còn nhiều hạn chế. Với nhiều gia đình, dược liệu không chỉ là thuốc chữa bệnh mà còn là nguồn thu nhập, bản sắc văn hóa và tri thức bản địa cần gìn giữ.

Việt Nam có hơn 5.000 loài cây dược liệu, chiếm khoảng 10–15% số loài đã biết trên thế giới. Trước đây, nguồn dược liệu chủ yếu được khai thác từ tự nhiên hoặc trồng quy mô nhỏ. Tuy nhiên, nhu cầu ngày càng tăng đang tạo ra nhiều thách thức với hệ sinh thái tự nhiên và chuỗi cung ứng. Khai thác quá mức khiến một số loài tự nhiên có nguy cơ biến mất, trong khi sự phụ thuộc vào nguồn

nhập khẩu làm dấy lên lo ngại về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tính ổn định của nguồn cung.

Chuỗi giá trị dược liệu cũng rất phức tạp, liên quan đến nhiều tác nhân từ người thu hái, nông dân đến thương lái, bệnh viện và các công ty chế biến. Điều này khiến cho việc nhận ra các điểm nghẽn và cơ hội càng trở nên phức tạp.

Tìm hiểu cơ chế vận hành

ACIAR đã tài trợ một dự án nhằm nghiên cứu thị trường, chuỗi giá trị và các hạn chế trong sản xuất dược liệu tại Việt Nam. Dự án kết hợp nghiên cứu tài liệu tổng và phỏng vấn nông dân, người thu hái và thu mua tại các vùng trồng trọng điểm ở khu vực miền núi phía Bắc, bao gồm Sa Pa,



Nhóm dự án trao đổi với bà con dân tộc Hà Nhì và đại diện công ty Trapaco về kỹ thuật nhân giống cây chè dây (*Ampelopsis cantoniensis*).
Ảnh: Stephen Harper, Đại học Queensland.



Dược liệu Việt không chỉ là sản phẩm, mà còn là di sản.

Ông Đỗ Tiến Sỹ, Giám đốc Chi nhánh Sa Pa, Công ty dược phẩm Trapaco



Bắc Hà (Lào Cai), Sin Hồ và Mường Tè (Lai Châu) để tìm hiểu cơ chế vận hành của các hệ thống cây dược liệu hiện tại và các điểm cải thiện tiềm năng.

Nhóm nghiên cứu cũng đã xác định năm nhóm dược liệu chính có vai trò quan trọng về bảo tồn đa dạng sinh học, dược liệu truyền thống, dược liệu chế biến và giúp giảm sự phụ thuộc vào nguồn dược liệu nhập khẩu.

Thách thức sản xuất và vai trò giới

Người nông dân đang đối mặt với nhiều khó khăn như chất lượng giống, độ phì đất, sâu bệnh và tác động của biến đổi khí hậu. Kể cả các đợt hạn hán ngày càng có thể ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất.

Dự án cũng xem xét vai trò của nam và nữ trong toàn bộ chuỗi giá trị. Hai giới đều tham gia sản xuất nhưng phụ nữ thường giữ vai trò quan trọng trong hoạt động buôn bán và tiếp thị. Hiểu rõ về

vai trò của họ sẽ giúp thiết kế các chiến lược phát triển cây dược liệu hiệu quả và có tính bao trùm hơn.

Xây dựng tri thức cho tương lai

Một mục tiêu quan trọng của dự án là nâng cao năng lực nghiên cứu phục vụ phát triển tại Việt Nam và hợp tác nghiên cứu Úc – Việt. Các nhà nghiên cứu và nhà khoa học trẻ được đào tạo về thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, phân tích dữ liệu và đánh giá chuỗi giá trị thông qua công tác thực địa và thu thập dữ liệu.

Với tính chất là nghiên cứu định hướng, dự án sẽ tạo ra bằng chứng hỗ trợ cho sự phát triển bền vững và bao trùm của ngành dược liệu Việt, bao gồm cải thiện hệ thống sản xuất, chuỗi cung ứng và giúp định hướng nghiên cứu và đầu tư vào ngành trong thời gian tới.

Đối tác dự án

Dự án có sự tham gia hợp tác của Đại học Queensland, Viện Dược liệu, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, cùng các chuyên gia của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Stephen Harper, s.harper1@uq.edu.au
Điều phối dự án: Phan Thúy Hiền, phanthuyhien@yahoo.com
Trần Minh Tiến, tranminhtien74@yahoo.com

Mạng lưới nghiên cứu vì sự bền vững của ngành sản Châu Á

Nguyễn Ngọc Hùng, Nguyễn Bá Tùng, Nguyễn Thị Thu Hương, Võ Văn Tuấn, Cù Thị Lệ Thủy, Al Imran Malik, Jonathan Craig Newby, Phạm Thị Nhạn
Dự án ACIAR: CROP/2022/110

Cuộc họp mặt của ‘Mạng lưới các nhà chọn giống và giám sát dịch bệnh Sản Châu Á 2026’ (ACB-Net) mới đây tại Tây Ninh đã nhấn mạnh nhu cầu tăng cường hợp tác quốc tế để giải quyết các mối đe dọa mới nổi với ngành sản như dịch bệnh và biến đổi khí hậu, gây ảnh hưởng tới sinh kế của hàng triệu nông hộ nhỏ.

Sản đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực, sinh kế nông thôn và sản xuất công nghiệp ở Châu Á. Tuy nhiên, các vùng trồng đều đang phải đối mặt với những dịch bệnh hại lây lan nhanh chóng, như bệnh khảm lá sản (CMD), bệnh chổi rồng hại sản (CWBD) và bệnh thối củ sản (CRRD), làm giảm nghiêm trọng năng suất và thu nhập của nông hộ.

Trước những thách thức xuyên biên giới, việc mỗi quốc gia tự nghiên cứu giải pháp đơn độc không còn

hiệu quả. Để tăng cường hợp tác trong khu vực, cuộc họp ACB-Net đã diễn ra tại Tây Ninh từ 31/3 đến 2/4/2026, với sự tham gia của hơn 60 đại biểu gồm các nhà nghiên cứu đến từ 12 quốc gia, nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp chế biến và nông dân trồng sản. Cuộc họp do Liên minh Bioversity Quốc tế & CIAT, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam (IAS) và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh đồng tổ chức, với sự tài trợ của ACIAR.

Xây dựng các giải pháp vùng

Tác động lớn nhất của hội thảo là sự chuyển đổi từ các chương trình quốc gia đơn lẻ sang một chiến lược khu vực thống nhất.

Các nhà nghiên cứu đã cởi mở chia sẻ dữ liệu, quy trình và chiến lược lai tạo, đồng thời cập nhật kết quả lai tạo các giống sản cải tiến đáp ứng được cả nhu cầu của thị trường và nông dân.

Các thảo luận tập trung xoay quanh tăng cường hợp tác giữa các nước, thông qua chia sẻ nguồn gen, chuẩn hóa quy trình sàng lọc bệnh và cải thiện chia sẻ dữ liệu trong khu vực. Bằng cách này, khi một quốc gia đối mặt với dịch bệnh bùng phát, họ có thể nhanh chóng tiếp cận thông tin và các giống sản kháng bệnh do các quốc gia đối tác trong mạng lưới phát triển, giúp tiết kiệm thời gian trong ứng phó dịch bệnh.



Các đại biểu thăm ruộng khảo nghiệm giống sản kháng bệnh mới và trao đổi với nông dân tại tỉnh Tây Ninh. Ảnh: Phạm Thị Nhạn, Trung tâm Nghiên cứu Hưng Lộc.



Thử nghiệm lai tạo giống sắn tại Lâm Đồng.
Ảnh: Nguyễn Ngọc Hùng, Trung tâm Nghiên cứu Hưng Lộc



Tôi rất vui được đón các chuyên gia quốc tế đến làm việc trên ruộng sắn của mình. Điều chúng tôi cần nhất lúc này là giống sắn tốt, sạch bệnh để trồng cho vụ tới, không sợ mất mùa vì dịch bệnh.

Ông Nguyễn Thành An, một nông dân tại Tây Ninh



Mạng lưới cũng thảo luận các phương pháp mới như chọn lọc gen và các công cụ chọn tạo giống chính xác, ví dụ như chỉnh sửa gen, để đẩy nhanh quá trình tích hợp các đặc tính mới cho giống, đồng thời vẫn giữ các đặc tính mà thị trường và nông dân mong muốn.

Từ nghiên cứu đến đồng ruộng

Cuộc họp cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc triển khai kết quả nghiên cứu nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho nông dân. Trong chuyến thăm khu vực ruộng khảo nghiệm các giống kháng bệnh mới trong khuôn khổ dự án ‘Các hệ thống sản xuất sắn kháng bệnh, bền vững tại khu vực Mekong’ (CROP/2022/110) do ACIAR tài trợ, các nhà nghiên cứu đã lắng nghe những khó khăn, thách thức mà người trồng sắn tại Tây Ninh đang gặp phải.

Đối với nông dân trồng sắn, một đợt bùng phát dịch bệnh có thể lấy đi thu nhập của cả một năm, cùng nguồn vật liệu trồng cho mùa kế tiếp.

Tiếp sức cho ngành sắn

Không chỉ quan trọng với sinh kế nông dân, sắn còn là một cây công nghiệp quan trọng. Việt Nam và Thái Lan là hai trong số các nước xuất khẩu sắn hàng đầu thế giới, và các doanh nghiệp chế biến luôn cần nguồn cung ổn định với sắn có

hàm lượng tinh bột cao để duy trì khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Hội nghị ACB-Net vì vậy không chỉ chú trọng yếu tố kháng bệnh mà còn quan tâm đến các giống sắn phù hợp với mỗi phân khúc thị trường và Tiêu chí Sản phẩm mục tiêu (TPP), bao gồm thực phẩm, chế biến tinh bột và nhiên liệu sinh học.



Thông qua việc hiểu rõ nhu cầu của thị trường và nhu cầu của nông dân, chúng tôi có thể chọn tạo những giống sắn vừa kháng bệnh, vừa tạo ra lợi ích cho cả chuỗi giá trị. Điều quan trọng là phải sử dụng thông tin thị trường được tổng hợp tốt nhất và khả năng dự báo để bắt đầu chọn tạo giống cho tương lai ngay từ hôm nay.

TS Jonathan Newby, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Sắn, CIAT



Hội thảo ACB-Net 2026 đã chứng minh hợp tác vùng, với sự hỗ trợ của các đối tác toàn cầu như ACIAR và CGIAR, có thể hỗ trợ xây dựng một ngành công nghiệp sắn bền vững thông qua chia sẻ tri thức, điều phối nghiên cứu và cùng hành động chống lại các mối đe dọa mới nổi.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: Imran Malik, A.Malik@cgiar.org

Sử dụng viễn thám và kế toán nước trong quản lý nước nông nghiệp ở địa phương

Regina Souter, Đỗ Thị Thúy Hà và Hà Thanh Lân
Dự án ACIAR: WAC/2023/117

Tại Việt Nam, các nhà quản lý tài nguyên nước đang đối mặt với áp lực ngày càng lớn của biến đổi khí hậu, suy giảm nguồn nước ngầm và các thay đổi nhanh chóng trong sử dụng đất. Trong khi đó, việc tiếp cận dữ liệu về nguồn nước ở địa phương vẫn còn nhiều hạn chế.

Dự án nghiên cứu do ACIAR tài trợ ‘Tìm hiểu vai trò của viễn thám và kế toán nước trong hỗ trợ quản lý nước nông nghiệp tại Việt Nam’ đã tìm hiểu việc sử dụng dữ liệu từ vệ tinh giúp lấp đầy khoảng trống về dữ liệu và nâng cao hiệu quả kế toán nước ở những địa phương còn hạn chế về hệ thống quan trắc.

Từ không gian đến tiểu lưu vực

Viễn thám sử dụng dữ liệu quan sát từ vệ tinh để tạo ra các chỉ số như: tỉ lệ bốc thoát hơi nước (từ đất và cây trồng), lượng mưa thiếu hụt, biến động trữ lượng nước và hiệu quả sử dụng nước. Khi kết hợp với kế toán nước—theo dõi dòng chảy của nước từ khi chảy vào, lưu lại cho đến lúc thoát ra khỏi hệ thống—các dữ liệu này có thể hỗ trợ công tác lập kế hoạch theo mùa vụ và hàng năm, phân bổ nguồn nước và quản lý hạn hán ở nhiều cấp lưu vực khác nhau.

Điểm sáng tạo nổi bật của dự án là chứng minh khả năng hạ quy mô kế toán nước—vốn thường áp dụng ở quy mô lưu vực—xuống cấp tiểu lưu vực và hệ thống tưới tiêu thông qua viễn thám, nơi diễn ra các hoạt động quản lý nước hàng ngày.

Các phương pháp này đã được thí điểm tại khu vực Tây Nguyên, bao gồm các tiểu lưu vực Bản Đôn, Krông Búk và một cụm công trình thủy lợi địa phương.

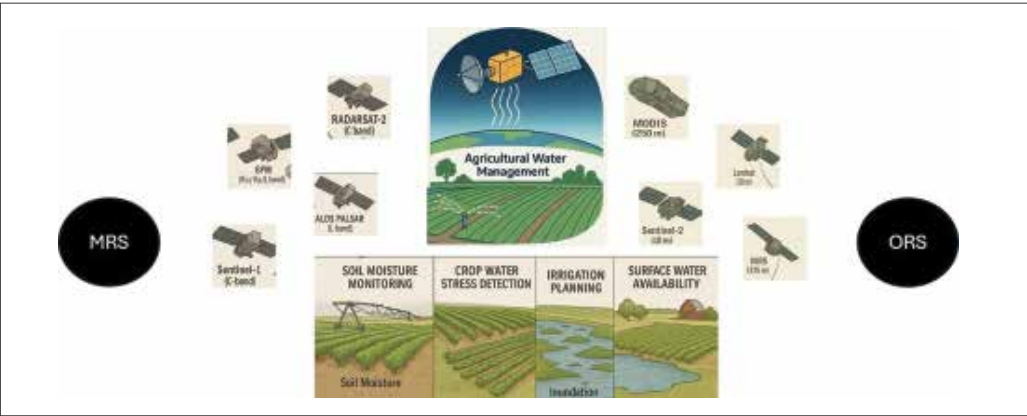
Hợp tác cùng nhà quản lý, tăng tính khả dụng

Một điểm đặc trưng của dự án là sự tham gia xuyên suốt của các cán bộ cấp tỉnh, doanh nghiệp quản lý khai thác công trình thủy lợi và chuyên gia kỹ thuật đã tham gia trong quá trình triển khai dự án. Họ đã cùng các nhà nghiên cứu xác định sản phẩm đầu ra để đảm bảo tính phù hợp, khả thi và khả năng áp dụng trong thực tế.

Với phương pháp tiếp cận đặt người dùng ở vị trí trung tâm, dự án đã xây dựng các công cụ giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định vận hành chính xác, như xác định khu vực có nguy cơ hạn hán cao, điều chỉnh phân bổ nước theo mùa, theo dõi hiệu quả tưới tiêu và so sánh giữa các hệ thống tưới.

Các nhà quản lý nhìn chung rất quan tâm tới dữ liệu nước do các công cụ viễn thám tạo ra, nhưng họ cũng thấy rõ năng lực kỹ thuật hiện nay vẫn là một rào cản lớn. Họ có xu hướng ưu tiên các công cụ thân thiện với người dùng và sản phẩm thông tin ở dạng đơn giản, dễ sử dụng như bản đồ hay bản tin tóm tắt.

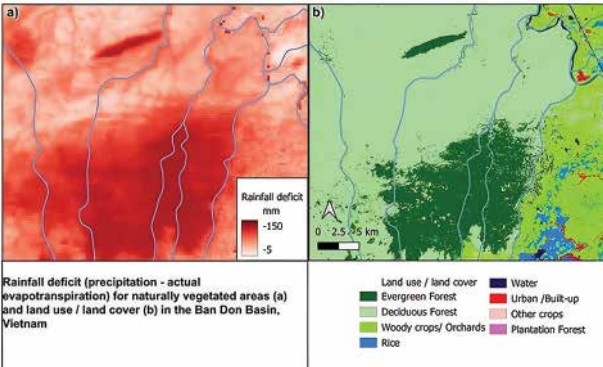
Chất lượng thông tin là điều kiện cần nhưng chưa đủ để đảm bảo việc chúng sẽ được sử dụng. Các công



Khung kế toán nước (đơn giản) giúp xác định các dòng chảy ở quy mô lưu vực và tiểu lưu vực
Ảnh: A. Lillicrap.



Hội thảo tham vấn các bên liên quan tại Tây Nguyên, Tháng 9, 2025. Ảnh do dự án cung cấp.



Sử dụng dữ liệu viễn thám để xác định các khu vực thiếu hụt mưa ở Tây Nguyên. Ảnh: A. Lillicrap.

cụ cần phải đáp ứng nhu cầu thực tế và phù hợp với năng lực của người dùng. Để thúc đẩy việc áp dụng các kỹ thuật, công cụ mới, cần đảm bảo công tác đào tạo năng lực và xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với bối cảnh địa phương.

Hướng tới tương lai

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh quản trị nước trong nông nghiệp, việc kết hợp dữ liệu vệ tinh với các phương pháp kế toán nước sẽ giúp nâng cao tính minh bạch và khoa học trong việc ra quyết định. Với sự đầu tư liên tục cho xây dựng năng lực, cơ chế phối hợp và các công cụ phù hợp, những cách tiếp

cận này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà quản lý nước đưa ra các quyết định kịp thời, có cơ sở trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày một gia tăng.

Đối tác dự án

Dự án tập hợp các nhà nghiên cứu từ Trung tâm Nước Quốc tế (IWC) thuộc Đại học Griffith và Viện Quy hoạch Thủy lợi (IWRP), Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: TS Regina Souter, r.souter@griffith.edu.au

Điều phối dự án: TS Hà Thanh Lân, lanht.iwrp@gmail.com

Thúc đẩy kinh doanh nông nghiệp từ rừng ngập mặn vì một ĐBSCL bền vững

Phạm Thu Thủy và Tăng Thị Kim Hồng
Dự án ACIAR: CLIM/2023/190

Các mô hình kinh doanh nông nghiệp dựa vào rừng ngập mặn có nhiều tiềm năng hỗ trợ quá trình phát triển bền vững ở ĐBSCL, giúp khu vực chống chịu với biến đổi khí hậu tốt hơn, đặc biệt là khi kết hợp với chiến lược, quy hoạch sử dụng đất thực tế, mô hình kinh doanh bao trùm và các sáng kiến carbon xanh dương mới xuất hiện.



Hội thảo quốc tế 'Hướng tới nền kinh tế xanh toàn diện và ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu' do UNDP Việt Nam, Đại học Flinders, Đại học Nông lâm Tp Hồ Chí Minh và Viện Chính sách công đồng tổ chức đã thu hút 120 người tham dự từ chính phủ, doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo, nhà khoa học và các đối tác phát triển. Ảnh: UNDP.

Đây là kết luận dựa trên những hiểu biết từ dự án do ACIAR tài trợ 'Xác định tiềm năng chuyển đổi nông nghiệp dựa vào rừng ngập mặn ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)', do Đại học Flinders và Đại học Nông lâm - Tp Hồ Chí Minh phối hợp thực hiện từ năm 2024.

Dự án ra đời nhằm mục đích hỗ trợ xây dựng tầm nhìn thực tế, khả thi cho quá trình chuyển đổi rừng ngập mặn và sử dụng đất ở các vùng ven biển ngày một ngập sâu dưới mực nước biển của ĐBSCL. Dự án hợp tác chặt chẽ với các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, cộng đồng và các đối tác phát triển của Việt Nam để tìm hiểu các mô hình kinh doanh nông nghiệp dựa vào rừng ngập mặn, carbon xanh dương và sinh kế phát thải thấp có thể đóng góp vào thích ứng biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh toàn diện trong dài hạn như thế nào.

Kết nối khoa học, chính sách và thực tiễn

Trong tháng 3 và tháng 4 năm 2026, dự án đã đóng góp vào một loạt các cuộc đối thoại quốc gia và khu vực về thích ứng dựa vào rừng ngập mặn và phát triển carbon xanh dương, hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UNDP Việt Nam.

Dự án đã chia sẻ bằng chứng từ kinh nghiệm toàn cầu và Việt Nam về các chiến lược giảm thiểu và thích ứng dựa vào rừng ngập mặn hiệu quả, đồng thời xác định những khoảng trống kiến thức chính trong nghiên cứu và xây dựng chính sách về carbon xanh dương. Các cuộc thảo luận nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa khoa học, chính sách và thực tiễn địa phương để hỗ trợ các sáng kiến kinh tế xanh toàn diện và có khả năng nhân rộng.

Dự án cũng đóng góp ý kiến thực tiễn để giúp thành lập các nhóm công tác kỹ thuật của chương trình Đối tác Hành động Carbon Xanh dương Quốc gia (NBCAP), giúp tăng cường sự hợp tác giữa các

cơ quan chính phủ, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức phát triển và cộng đồng địa phương.

Khám phá các mô hình kinh doanh toàn diện

Một trong các trọng tâm chính của dự án là tìm hiểu cách các mô hình kinh doanh dựa trên rừng ngập mặn có thể hỗ trợ các mục tiêu về môi trường và sinh kế.

Dự án đã nghiên cứu các ví dụ về hệ thống thực phẩm phát thải thấp, sáng kiến phục hồi rừng ngập mặn và các dự án carbon xanh dương của Việt Nam và quốc tế, bao gồm cả những bài học từ Australia. Dự án cũng đã tìm hiểu các rào cản đầu tư, khoảng trống về chính sách và quy định và vai trò ngày càng tăng của các chủ thể khu vực tư nhân và các doanh nghiệp cộng đồng trong việc mở rộng sinh kế ven biển bền vững

Vai trò của các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo và gắn bó với địa phương ngày càng được quan tâm nhiều hơn, được công nhận là những tác nhân quan trọng trong các nỗ lực bảo tồn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhìn về phía trước

Trong bối cảnh áp lực khí hậu ngày càng gia tăng trên khắp vùng ĐBSCL, dự án đang hỗ trợ xây dựng cơ sở bằng chứng cho các phương pháp tiếp cận toàn diện, bao trùm và có sự điều phối tốt hơn để hỗ trợ các cộng đồng ven biển thích ứng với BĐKH.

Bằng cách kết nối nghiên cứu, chính sách, tài chính và kinh nghiệm địa phương, dự án mong muốn hỗ trợ xây dựng các lộ trình thực tiễn để phát triển các mô hình kinh doanh từ rừng ngập mặn, phát triển carbon xanh dương và tăng trưởng phát thải thấp cho các khu vực ven biển của Việt Nam.

Liên hệ:

Đồng Giám đốc dự án: GS Phạm Thu Thủy,
thuy.pham@flinders.edu.au,
TS Tăng Thị Kim Hồng, tangkimhong@hcmuaf.edu.vn

Phát triển hệ thống chăn nuôi gà giúp nông hộ tăng thu nhập ở Đông Nam Á

Hoàng Hải Hóa, Alula Alemayehu Assen, Wondmeneh Esatu, Mulugeta Yitayih Berhanu, Fred Unger, Nguyễn Việt Hùng, Frank-Lawale Anuoluwapo, Ngô Thị Kim Cúc, Sothyra Tum, Vannaphone Phouthana, Phetmanyseng Xangsayasane và Nguyễn Thị Quỳnh Chi
Dự án ACIAR: LS/2019/142

Một sáng kiến khu vực đang hỗ trợ các nông hộ nhỏ tại Đông Nam Á phát triển các giống gà cho năng suất cao, phù hợp với điều kiện chăn nuôi và đáp ứng tốt các thị trường địa phương.

Dự án Nguồn lợi gen gà châu Á (AsCGG), do ACIAR tài trợ và Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) chủ trì, đã bước sang giai đoạn mới (2025–2029), tiếp nối các hoạt động trước đây tại Việt Nam và Campuchia.

Tiếp tục phát triển các giống gà cải tiến tại Việt Nam và Campuchia

Tại Việt Nam, các thử nghiệm trong giai đoạn đầu của dự án cho thấy các giống gà nhập có năng suất vượt trội so với giống gà bản địa, cho sản lượng trứng cao gấp ba lần trong khi vẫn thích nghi tốt với điều kiện địa phương. Nông hộ tham gia dự án ghi nhận cải thiện về thu nhập và dinh dưỡng cho gia đình, đồng thời vai trò của phụ nữ trong chăn nuôi gia cầm được khẳng định rõ hơn.

Tại Campuchia, Chương trình cải tiến giống gà bản địa có sự tham gia của người dân (PICBIP), đặc biệt

đối với giống gà Skouy, đã tạo ra những kết quả tích cực về tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất trứng, với tỷ lệ nở đạt trên 70%. Chương trình nhân giống dựa vào cộng đồng đã góp phần củng cố chuỗi cung ứng địa phương và tạo cơ hội tăng thu nhập cho nông hộ.

Dựa trên những kết quả này, các đối tác dự án đã xác định các ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo, bao gồm nhân rộng các giống gà cải tiến, tăng cường an toàn sinh học, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và lồng ghép các yếu tố dinh dưỡng, giới và môi trường.

Hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi gia cầm tại Lào

Ở giai đoạn mới, dự án sẽ hỗ trợ các đối tác Lào phát triển ngành chăn nuôi gia cầm, góp phần giải quyết các vấn đề về năng suất, dịch bệnh và sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

Trong tháng 10 năm 2025, ACIAR đã hỗ trợ một hội thảo tham vấn nhằm đóng góp cho Chiến lược phát triển ngành gia cầm của Lào giai đoạn 2026–2035, tập trung vào việc cải thiện khả năng tiếp cận giống chất lượng cao, thức ăn chăn nuôi, vắc xin và dịch vụ thú y.

Lễ khởi động dự án diễn ra tại Đại học Quốc gia Lào vào tháng 3 năm 2026, nhân chuyến thăm của lãnh đạo ACIAR và Ủy ban Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc và lễ kỷ niệm 35 năm hợp tác nghiên cứu nông nghiệp Lào - Úc.

Với sự tham gia của đại diện Viện Nghiên cứu Nông Lâm Quốc gia Lào (NAFRI), Đại học Quốc gia Lào, ILRI và ACIAR (trong đó có bà Fiona Simson, Chủ tịch Ủy ban Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc và TS Nick Austin, Quyền Tổng Giám đốc ACIAR), lễ khởi động thể hiện cam kết thúc đẩy chăn nuôi gia cầm bền vững và cải thiện sinh kế thông qua nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hợp tác trong khu vực.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: TS Wondmeneh Esatu, W.Esatu@cgiar.org
Điều phối quốc gia tại Việt Nam: TS Ngô Thị Kim Cúc, cucngokim@yahoo.com



Một cặp vợ chồng ở tỉnh Takeo, Campuchia tham gia chương trình PICBIP. Ảnh: NHPRI



Ảnh: ACIAR

Kết nối nông hộ để quản trị chuỗi bò thịt tốt hơn

Hồ Lê Phi Khanh, Stephen Ives, Lê Thị Thanh Huyền, Phạm Văn Hùng,
Dương Nam Hà và Sarah Fischer
Dự án ACIAR: AGB/2020/189

Trước đây, nông dân nuôi bò ở xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị thường bán bò thông qua thương lái; thông tin về giá cả, thị trường thường rất hạn chế. Nhưng đến nay, thông qua một tổ hợp tác liên kết trực tiếp với các doanh nghiệp kinh doanh gia súc, họ đã học cách thương thảo hợp đồng, tổ chức sản xuất và có thu nhập tốt hơn với cả sản phẩm bò thịt và cỏ chăn nuôi.

Chăn nuôi bò và sản xuất thức ăn thô xanh là nguồn sinh kế quan trọng của nhiều hộ dân tại xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, phần lớn người dân chăn nuôi ở quy mô nhỏ, sản xuất phân tán, thiếu thông tin về thị trường, giá cả và yêu cầu của người mua. Do mua bán chủ yếu thông qua thương lái, nông dân không có nhiều tiếng nói về giá. Bên cạnh đó, vấn đề thức ăn chăn nuôi cũng là một thách thức, đặc biệt trong mùa khô hoặc khi thời tiết bất lợi; nhiều hộ chưa nắm được phương pháp bảo quản thức ăn nên việc ổn định nguồn thức ăn thô xanh cho bò càng trở nên khó khăn.

Trước thực tiễn đó, dự án 'Liên kết các hoạt động sản xuất của nông hộ vào chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam' đã hỗ trợ người dân Nam Trạch tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng lực chăn nuôi và kết nối tốt hơn với thị trường.

Tăng cường khả năng đàm phán của nông dân

Dự án đã hỗ trợ thành lập Tổ hợp tác Liên minh vỗ béo bò Nam Trạch với 20 thành viên. Các hộ thành viên có thể trao đổi kinh nghiệm, thống nhất phương thức sản xuất và làm việc với đối tác thu mua theo nhóm, thay vì từng hộ riêng lẻ.

Các thành viên tổ hợp tác đã được tập huấn về quản lý đàn, chăm sóc bò trong giai đoạn vỗ béo, sử dụng thức ăn hợp lý và theo dõi tăng trọng. Dự án cũng hỗ trợ người dân nâng cao hiểu biết về tiếp cận thị trường, giúp họ nắm rõ hơn nhu cầu của người mua, yêu cầu chất lượng và cách tổ chức sản xuất phù hợp với hợp đồng thương mại.

Mô hình tổ hợp tác đã giúp nông dân từ những người nuôi đơn lẻ trở thành nhà cung cấp bò thịt và thức ăn chăn nuôi tin cậy, đồng thời giúp họ có vai trò và tiếng nói lớn hơn trong sản xuất và ra quyết định mua bán.

Cải thiện nguồn thức ăn thô xanh

Dự án đã tập huấn cho các hộ thành viên kỹ thuật ủ chua thức ăn và làm ngô sinh khối, giúp họ ổn định nguồn dinh dưỡng quanh năm.

Nhờ đó, các hộ thành viên từng bước chủ động hơn trong chuẩn bị nguồn thức ăn, giảm phụ thuộc vào thức ăn tự nhiên và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.



Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam (VIAVS) tập huấn kỹ thuật ủ chua thức ăn cho thành viên tổ hợp tác Nam Trạch, Tháng 12, 2025. Ảnh: Hàn Anh Tuấn (VIAVS).



Trước đây, các hộ đều chủ yếu tự nuôi, tự bán nên rất khó nắm bắt thị trường. Từ khi tham gia tổ hợp tác, chúng tôi được học kỹ thuật, cùng nhau tổ chức sản xuất và được làm việc trực tiếp với doanh nghiệp.

Chị Nguyễn Thị Bích, thành viên Tổ hợp tác.



Mở ra các cơ hội kinh doanh mới

Tổ hợp tác đã được giới thiệu, kết nối với công ty chăn nuôi và các trang trại quy mô lớn tại tỉnh Quảng Trị, bắt đầu sản xuất theo các hợp đồng chính thức.

Khi tiêu thụ theo hợp đồng, các thành viên tổ hợp tác bán ngô sinh khối với giá 1.500 đồng/kg, so với mức 1.200 đồng/kg trước đây. Tổ trưởng tổ hợp tác cũng đã liên kết với các thương lái thu mua bò thịt nhằm tăng tiêu thụ và có được giá bán tốt hơn. Điều này đã góp phần tăng giá thu mua bò của thành viên của tổ hợp tác từ 82.000 đồng/kg lên 90.000 đồng/kg, đặc biệt trong giai đoạn nguồn cung bò thịt trên thị trường khan hiếm.

Không chỉ bán được giá cao hơn, mô hình tổ hợp tác giúp nông dân nhận thức về thị trường tốt hơn, làm nền tảng để phát triển chuỗi giá trị bò thịt có tổ chức, phát triển theo hướng thương mại tại tỉnh Quảng Trị.

Liên hệ:

Giám đốc dự án: TS Stephen Ives, stephen.ives@utas.edu.au
Điều phối viên quốc gia: Lê Thị Thanh Huyền,
lehuyen1973@yahoo.com

Vi dưỡng chất trong thức ăn cho cá mú: thay đổi nhỏ, tác động lớn

Simon K. Das, Nguyễn Văn Nguyễn, Rachel Neil, Khanh T.H. Le, Leo Nankervis
Dự án ACIAR: FIS/2022/148



Cá mú lai giống trong thí nghiệm thức ăn chăn nuôi. Ảnh: APOTEC.

Ngành nuôi cá mú tại Việt Nam đang từng bước chuyển dịch theo hướng bền vững hơn. Kết quả từ các nghiên cứu gần đây và thông tin phỏng vấn người nuôi đều cho thấy xu hướng thay đổi thức ăn cho cá mú—from cá tạp sang thức ăn viên công nghiệp—vừa tăng hiệu quả nuôi, vừa tốt hơn cho môi trường. Tuy nhiên, một câu hỏi lớn đang được đặt ra trong quá trình chuyển đổi này: liệu thức ăn viên đã cung cấp đầy đủ những dưỡng chất mà cá mú cần hay chưa?

Đối với nhiều người nuôi, sự tăng trưởng của cá vẫn là thước đo thành công quan trọng nhất. Cá tăng trưởng tốt có nghĩa là thức ăn hiệu quả. Tuy nhiên, quan sát tại trại nuôi và các nghiên cứu gần đây cho thấy thực tế không đơn giản như vậy. Trong một số trường hợp, cá có thể tăng trưởng tốt ở giai đoạn đầu, nhưng sau đó lại yếu dần, kém linh hoạt hoặc dễ mắc bệnh hơn. Điều này nhấn mạnh một điểm then chốt: tăng trưởng đơn thuần không phải lúc nào cũng phản ánh đầy đủ sức khỏe của cá.

Vì sao vi dưỡng chất lại quan trọng?

Đây là lúc những khía cạnh ít được chú ý đến trong vấn đề dinh dưỡng trở nên rõ ràng hơn. Phòng Đối mới Thức ăn Thủy sản Nhiệt đới của Đại học James Cook (Úc) đã hợp tác với APOTEC (Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam-VAFIS) để nghiên cứu sâu hơn về các vi chất thiết yếu, đặc biệt là vitamin C và vitamin E.

Vitamin C đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hệ miễn dịch khỏe mạnh và bảo vệ cấu trúc mô; khi kết hợp thêm với vitamin E, tổ hợp Vitamin C - E



sẽ bảo vệ tế bào khỏi stress oxy hóa. Các hàng rào bảo vệ này đặc biệt quan trọng trong các hệ thống nuôi thâm canh, nơi cá thường xuyên chịu tác động do các hoạt động chăm sóc (bắt, phân cỡ) và môi trường trường nuôi nhiều biến động.

Kết quả nghiên cứu

Để hiểu rõ hơn các vi dưỡng chất này ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi như thế nào, các nhà nghiên cứu đã tiến hành thí nghiệm cho ăn trên cá mú lai giống tại trung tâm APOTEC -VAFIS. Thí nghiệm được thiết kế chéo, kết hợp vitamin C và vitamin E với hàm lượng khác nhau trên 17 khẩu phần thức ăn. Trong thời gian 63 ngày, hơn 2.500 cá giống được nuôi trong hệ thống bể có lặp lại, tăng trưởng từ khoảng 12 g lên 34–50 g. Thay vì xác định một mức tối ưu duy nhất, cách tiếp cận này cho phép nhóm nghiên cứu đánh giá cách kết hợp vitamin khác nhau trong khẩu phần sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá như thế nào.

Một số khẩu phần giúp cá tăng trưởng ổn định và đạt tỷ lệ sống cao, một số khác lại cho kết quả tăng trưởng chậm hơn. Đáng chú ý, các kết quả ban đầu cho thấy mức bổ sung vitamin cao nhất không mang lại hiệu quả tốt nhất. Thay vào đó, các khẩu phần có sự cân đối dinh dưỡng, đặc biệt là với mức vitamin C và vitamin E trung bình, cho hiệu quả tổng thể tốt hơn và kết quả ổn định hơn. Trong một số trường hợp, cá đạt mức tăng trưởng cao với tỷ lệ sống vượt 90%. Ngược lại, các khẩu phần mất cân đối vitamin dẫn đến tốc độ phát triển chậm hơn hoặc tỷ lệ sống kém ổn định; điều này cho thấy cá rất nhạy cảm với sự thay đổi—dù là rất nhỏ—trong khẩu phần ăn.

Phát hiện này đặc biệt quan trọng đối với người nuôi và ngành sản xuất thức ăn cá biển. Thách thức trong sản xuất không phải lúc nào cũng liên quan

đến các thành phần chính như protein hay năng lượng. Đôi khi, chúng bắt nguồn từ những mất cân đối vi chất khó nhìn ra ngay. Khi ngày càng nhiều người nuôi chuyển sang sử dụng thức ăn viên công nghiệp, việc chú ý đến những chi tiết này sẽ trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Hỗ trợ phát triển nuôi cá mú bền vững

Nghiên cứu này là một phần của dự án do ACIAR tài trợ nhằm phát triển thức ăn cho cá mú theo hướng bền vững, chuyển đổi từ sử dụng cá tạp sang thức ăn viên. Thức ăn viên công nghiệp là giải pháp thân thiện với môi trường và đã chứng minh hiệu quả trong thực tiễn. Tuy nhiên, cần có các công thức sản xuất thức ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của cá mú, hỗ trợ sức khỏe tổng thể, tăng trưởng tối ưu và khả năng đề kháng. Bằng cách điều chỉnh mức bổ sung vitamin và các thành phần dinh dưỡng quan trọng khác, thức ăn viên có thể góp phần tối ưu tăng trưởng và đảm bảo sức khỏe của cá mú lai.

Nuôi trồng thủy sản bền vững là câu chuyện lâu dài, cần có quá trình và sự kết hợp giữa kinh nghiệm người nuôi và tiến bộ khoa học để tạo ra sự thay đổi. Nghiên cứu này cho thấy rằng chỉ cần những thay đổi vi chất nhỏ cũng có thể tạo ra khác biệt lớn, giúp cải thiện sức khỏe đàn cá, giảm thiểu rủi ro và từng bước hướng tới các mô hình nuôi ổn định, hiệu quả và bền vững hơn.

Liên hệ:
Giám đốc dự án, TS Leo Nankervis, leo.nankervis@jcu.edu.au
Điều phối dự án, Nguyễn Văn Nguyễn, nguyenvia2@gmail.com
Phụ trách hoạt động, TS Simon K. Das, simon.das@jcu.edu.au

Từ nghiên cứu đến phát triển ngọc trai mabé quy mô lớn

Phùng Bầy và Thane Militz
Dự án ACIAR: FIS/2024/131

Hợp tác nghiên cứu giữa Đại học Sunshine Coast (UniSC) và Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam (VAFIS) do ACIAR tài trợ đang giúp đưa kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất. Trọng tâm của dự án là phát triển các hệ thống nuôi trồng có thể nhân rộng trong thực tế.

Quy trình canh tác tiêu chuẩn

Để nuôi cấy ngọc trai mabé quy mô lớn cần có nguồn cung trai nguyên liệu ổn định. Mặc dù trai là một mặt hàng hải sản được ưa chuộng, nhưng việc đánh bắt ngoài tự nhiên không đảm bảo tính ổn định để duy trì sản xuất. Các nhà khoa học đã giải quyết vấn đề này bằng cách sản xuất trai ngọc nữ thành công trong điều kiện nuôi nhốt. Trong năm 2025, đàn con giống trai ngọc nữ đã được cho sinh sản lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc khép kín vòng đời trong điều kiện nuôi nhốt sẽ góp phần thúc đẩy năng lực nuôi trồng, mở rộng nguồn cung trai ngọc nữ.

Bước tiếp theo là chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm tích lũy của các nhà khoa học thành một quy trình canh tác tiêu chuẩn để thử nghiệm và hoàn thiện cùng với nông dân trong điều kiện nuôi trồng thực tế.

Dự án đang làm việc với nông dân ở tỉnh Khánh Hòa để thử nghiệm quy trình. Phường Nha Trang, Khánh Hòa có thị trường khách du lịch rất tiềm năng để tiêu thụ ngọc trai và các sản phẩm chế biến sẵn. Những tín hiệu ban đầu rất khả quan: các quy trình hoạt động tốt trong các nhà nuôi với cơ sở hạ tầng và năng lực kỹ thuật khác nhau.

Tạo ra các cơ hội sinh kế mới

Cuối năm nay, dự án sẽ tiến hành đánh giá các quy trình ở góc độ kinh tế để hiểu rõ yêu cầu đầu vào và thời gian sản xuất, mô hình hóa chi phí và lợi nhuận. Thông tin này sẽ giúp nông dân và doanh nghiệp đưa ra các quyết định dựa trên bằng chứng, đồng thời

Với đường bờ biển dài, Việt Nam có lợi thế phát triển nghề nuôi cấy ngọc trai mabé (trai bán cầu). Tuy nhiên, ngành này vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây đã chứng minh khả năng sản xuất ngọc trai mabé chất lượng cao từ loài trai ngọc nữ bản địa (*Pteria penguin*). Nhưng để biến các kết quả nghiên cứu đầy tiềm năng thành một lĩnh vực nuôi trồng thủy sản mới đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn.

giúp các nhà khoa học xác định những điểm cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao tính hiệu quả và giảm thiểu rủi ro.

Mặc dù mới ở giai đoạn bắt đầu, dự án đã tiến hành những bước quan trọng để đưa nuôi trồng trai ngọc nữ từ phong nghiên cứu ra thực tế, thực sự trở thành một nghề nuôi trồng thủy sản mới ở Việt Nam.

Bên cạnh nuôi trồng, lĩnh vực này sẽ mở ra các cơ hội sinh kế mới như chế tác trang sức, đồ thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm chế biến khác, giúp nghệ nhân và doanh nghiệp nhỏ địa phương gia tăng giá trị của ngọc trai sau thu hoạch.



Trái: Ngọc trai mabé cấy trong vỏ trai ngọc nữ.
Phải: Lấy mẫu ấu trùng trai ngọc nữ để đánh giá. Ảnh: Thane Militz

Liên hệ:
Nhà khoa học: TS Thane Militz, tmilitz@usc.edu.au
Điều phối dự án: TS Phùng Bầy, phungbay@vafis.net



PGS Simon Lawson (UniSC) giới thiệu phương pháp khảo sát sâu bọ với các đối tác dự án tại Hà Nội. Ảnh: Ảnh ACIAR.

Khoa học, hợp tác và chính sách giúp giảm thiểu rủi ro về sâu bệnh hại rừng ở Đông Nam Á

Đào Ngọc Quang, Simon Lawson và Madaline Healey
Dự án ACIAR: FST/2023/138

Việt Nam hiện có khoảng 4 triệu ha rừng trồng, chủ yếu là rừng Keo và Bạch đàn, phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Phần lớn các khu rừng do các hộ nông dân sản xuất nhỏ quản lý.

Tuy nhiên, rừng trồng đang phải đối mặt với rủi ro về an ninh sinh học ngày càng lớn. Các loài sâu, bệnh hại đang gây ra suy thoái rừng trên quy mô lớn. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thương mại quốc tế và sự di chuyển của sinh vật gây hại khiến tốc độ lây lan của sâu bệnh hại ngày càng gia tăng, gây áp lực ngày một tăng thêm với rừng trồng.

Đông Nam Á là khu vực có tính kết nối cao, rủi ro an ninh sinh học ở một quốc gia nếu không được kiểm soát tốt sẽ có nguy cơ bùng phát, lan rộng sang các quốc gia khác.

Đây là lý do vì sao dự án 'Xây dựng mạng lưới an ninh sinh học và sức khỏe rừng ở Đông Nam Á' do ACIAR tài trợ chọn tiếp cận an ninh sinh học là một vấn đề vùng, cần một giải pháp chung cho cả khu vực thay vì chỉ một quốc gia đơn lẻ.

Hợp phần dự án ở Việt Nam do Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ Rừng (FPRC) trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện. Dự án có sự tham

gia của 6 nước: Việt Nam, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Thái Lan.

Chủ động phát hiện sớm nguy cơ

Ở Việt Nam cũng như trong khu vực, các hệ thống an ninh sinh học trong lâm nghiệp chưa theo kịp với mức độ gia tăng về nguy cơ của sâu bệnh hại. Dự án ra đời nhằm tăng cường năng lực sẵn sàng ứng phó với sâu bệnh hại, phát hiện nguy cơ sớm và chia sẻ dữ liệu phù hợp.

Trọng tâm của dự án là thực hiện giám sát các loài ngoại lai xâm hại tại khu vực có nguy cơ cao (High-risk surveillance survey – HRSS). Các bẫy giám sát HRSS được đặt ở những nơi có nguy cơ loài ngoại lai xâm nhập, ví dụ như cảng biển, sân bay và các khu rừng trồng sát biên giới. Đây cũng là cơ hội để kết nối các cơ quan trong lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp và kiểm dịch thông qua hợp tác đặt bẫy, chẩn đoán, định danh loài và chia sẻ dữ liệu.

Trong năm 2022, bẫy HRSS được lắp đặt tại sân bay quốc tế Nội Bài và cảng biển Đình Vũ (Hải Phòng), sau đó dự án tiếp tục mở rộng điểm giám sát tại rừng thông ở Lạng Sơn. Trong giai đoạn 2023-2024, dự án đã thu thập tổng cộng 3.000 mẫu côn trùng,



Ảnh trái: TS Trần Xuân Hưng, FPRC, phân loại các mẫu thu được từ bẫy với các đồng nghiệp Indonesia và Lào.

Ảnh phải: Bộ cánh cứng sừng dài (Cerambycid) - loài gây hại đục gỗ - bắt được trong bẫy HRSS. Ảnh: FPRC

đại diện cho khoảng 40 loài, trong đó có cả các loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại. FPRC đã tiến hành định danh tên khoa học các loài và xây dựng hồ sơ các loài côn trùng có nguy cơ xâm hại dựa trên đặc điểm hình thái học và phân tích ADN, làm cơ sở đánh giá rủi ro và đề xuất giải pháp quản lý các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

Việc phát hiện sớm các loài ngoại lai xâm hại đã chứng minh được tính hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Tổng chi phí thực hiện tại ba điểm giám sát khoảng 80.000 đô-la Úc (2022–2025), thấp hơn khá nhiều so với chi phí xử lý khi dịch hại đã bùng phát.

Hợp tác quốc tế trong bảo vệ an ninh sinh học rừng

Dự án này được xây dựng dựa trên kết quả của một dự án ACIAR trước đó (2015) về kiểm soát sinh học với các loài sâu hại Bạch đàn (FST/2012/091). Theo đó, các đợt bùng phát sâu bệnh hại ngày càng nghiêm trọng hơn là do năng lực phát hiện và ứng phó với các loài sâu bệnh hại giữa các quốc gia trong khu vực chưa đồng đều.

Chính vì vậy, dự án đã tiếp cận theo hướng hợp tác: nâng cao năng lực chẩn đoán, xây dựng hệ thống giám sát và chia sẻ kiến thức về sâu, bệnh hại giữa các nước. Hướng tiếp cận này giúp tăng cường năng lực của cả vùng để phát hiện sớm, chủ động ngăn ngừa và ứng phó với sâu bệnh hại.

Quản trị tốt hơn để bảo vệ rừng bền vững

Dự án đã đạt được những kết quả tốt về mặt kỹ thuật; tuy nhiên để đảm bảo sức chống chịu, khả năng phát triển bền vững của các khu rừng trồng trong dài hạn cần có khung chính sách hỗ trợ và quản trị một cách hiệu quả.

Nhằm tăng cường kết nối giữa khoa học và chính sách, dự án đã tổ chức một chuỗi các hội thảo giữa các nhà khoa học và nhà hoạch định chính sách tại

các nước đối tác để chia sẻ kết quả nghiên cứu, đồng thời xác định các khoảng trống về kỹ thuật và thách thức trong xây dựng chính sách.

Các quốc gia đều chia sẻ một số vấn đề chung như sự thiếu đồng bộ trong báo cáo sâu bệnh hại giữa các hộ trồng rừng và hệ thống quốc gia, thiếu sự điều phối giữa các cơ quan lâm nghiệp, nông nghiệp và kiểm dịch, dẫn đến dữ liệu phân tán và giảm hiệu quả an ninh sinh học. Thông tin đầu vào này giúp xác định các hành động ưu tiên để hỗ trợ xây dựng mạng lưới an ninh sinh học rừng bền vững của khu vực.

Hành động tiếp theo

Trong giai đoạn tiếp theo, dự án sẽ hoàn thiện các cơ chế quản trị để xác định rõ vai trò và tăng cường khả năng ứng phó nhanh với các mối đe dọa mới nổi. Ở Việt nam, dự án sẽ ưu tiên các hoạt động sau:

- Phát triển mô hình khí hậu và nguy cơ sinh vật ngoại lai xâm hại nhằm cung cấp thông tin cho hoạt động chính sách và thực hành an ninh sinh học;
- Xây dựng chiến lược an ninh sinh học rừng quốc gia phù hợp với chính sách, pháp luật và các bên liên quan;
- Thí điểm các mô hình giám sát sâu bệnh hại, báo cáo và cung cấp thông tin, khuyến cáo cho các hộ trồng rừng.

Ở cấp khu vực, việc lồng ghép mạng lưới giám sát sinh vật gây hại trong ASEAN sẽ thúc đẩy cách tiếp cận hài hòa và bền vững đối với an ninh sinh học trong lâm nghiệp.

Trong bối cảnh các mối đe dọa với rừng trồng ngày càng gia tăng, dự án cho thấy sự phối hợp giữa khoa học, hợp tác vùng và liên kết chuyên gia ở mỗi nước sẽ mang lại hiệu quả trong giảm thiểu rủi ro an ninh sinh học và bảo vệ các cộng đồng có sinh kế từ rừng.

Liên hệ:

Đồng giám đốc dự án: Madaline Healey, mhealey@usc.edu.au
Điều phối dự án: Đào Ngọc Quang, daongocquang@vafs.gov.vn

Cơ hội nâng cao sức khỏe đất trong các hệ thống canh tác cà phê

Laetitia Herrmann, Lambert Brau, Nguyễn Văn Long, Lê Quang Nam,
Nguyễn Thị Trà My và Didier Lesueur
Dự án ACIAR: SLAM/2023/142

Sau hơn ba thập kỉ thâm canh cà phê quá mức ở Tây Nguyên, sức khỏe đất suy giảm nghiêm trọng và xuất hiện ngày càng nhiều sâu bệnh hại lây truyền qua đất. Tuy nhiên, các hệ thống xen canh và biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học đất đang mở ra các cơ hội canh tác cà phê bền vững.

Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê Robusta trọng điểm phục vụ cho thị trường toàn cầu, nhưng việc thâm canh quá mức trong thời gian dài đã gây áp lực lên sức khỏe đất, đa dạng sinh học và năng suất cây trồng.

Sử dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật đã dẫn tới chua hóa, thoái hóa đất và gia tăng các loại sâu bệnh hại lây truyền qua đất (SBPD). Để bù đắp phần năng suất cà phê bị sụt giảm, nông dân đã dần xen canh nhiều loại cây như sầu riêng, bơ, hồ tiêu, mặc dù vẫn còn rất ít thông tin về việc các hệ thống xen canh này sẽ ảnh hưởng như thế nào về sức khỏe đất và các bệnh lây truyền qua đất.

Dự án ‘Đánh giá điều kiện đất đai cho sản xuất cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả tại năm tỉnh Tây Nguyên của Việt Nam’ với sự tham gia của các nhà khoa học Việt Nam, Úc và quốc tế đã thực hiện khảo sát sức khỏe đất trên khắp năm tỉnh Tây Nguyên, áp dụng các kỹ thuật hiện đại và bao quát toàn bộ các đặc tính về vật lý, hóa học và sinh học của đất.



Nhà nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và chủ vườn thảo luận về sức khỏe đất và quản lý sâu bệnh tại vườn trồng xen cà phê – sầu riêng tại Đắk Lắk. Tháng 5, 2025.
Ảnh: Didier Lesueur.



Xen canh cà phê - hồ tiêu. Ảnh: PRDC

Khảo sát đất quy mô lớn

Thông qua ảnh vệ tinh, các nhà nghiên cứu đã xác định các khu vực xen canh chính và lựa chọn những nơi có tính đa dạng cao nhất về hệ thống canh tác và các loại đất để nghiên cứu sâu về sức khỏe đất và cây trồng.

Qua khảo sát 375 trang trại tại 5 tỉnh, các nhà nghiên cứu đã xác định 18 mô hình xen canh, trong đó phổ biến nhất là trồng xen cà phê với sầu riêng và hồ tiêu, tiếp theo là bơ, điều và mắc ca.

Tiềm năng kiểm soát mầm bệnh trong đất

Kết quả phân tích đất và rễ cho thấy mầm bệnh (nấm, tuyến trùng) đang bủa vây khắp Tây Nguyên, bất kể vị trí hay loại cây nào. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng tìm ra sự khác biệt lớn về sự xuất hiện của tuyến trùng ký sinh thực vật trong đất tùy theo tổ hợp cây trồng. Khi trồng kết hợp cà phê với điều hay sầu riêng, tuyến trùng ký sinh thực vật trong

đất có khả năng giảm đáng kể. Nhưng kết hợp cà phê – hồ tiêu hay cà phê – bơ lại ghi nhận mật độ mầm bệnh cao nhất.

Vị trí địa lý cũng có ảnh hưởng lớn tới sự xuất hiện của các mầm bệnh trên cây cà phê, với Gia Lai là tỉnh chịu ảnh hưởng của SBPD nghiêm trọng hơn so với các vùng khác. Nguyên nhân có thể liên quan đến lịch sử canh tác cà phê lâu đời, thâm canh ở đây, so với những nơi khác có ít diện tích đất canh tác và nhiều diện tích rừng hơn.

Dữ liệu cũng cho thấy nhóm vi khuẩn, nấm hoặc các sinh vật nhân chuẩn khác có thể giúp kiểm soát quần thể mầm bệnh. Bằng cách áp dụng các biện pháp nông nghiệp sinh thái như sử dụng chất hữu cơ thay cho chất hóa học sẽ tạo điều kiện cho nhóm sinh vật có lợi này phát triển, giảm áp lực mầm bệnh lên cây trồng.

Các nhà khoa học cũng đang nghiên cứu việc sử dụng các chế phẩm sinh học thương mại chứa vi sinh vật có lợi giúp kiểm soát quần thể SBPD, bước đầu cho thấy kết quả đầy hứa hẹn.

Hướng tới tương lai

Tây Nguyên có nhiều cộng đồng người dân tộc thiểu số, trong đó có nhiều nông hộ nhỏ và hộ nghèo. Bảo vệ sức khỏe đất có ý nghĩa ngày càng quan trọng, giúp bảo vệ năng suất và sinh kế cho người dân. Các kết quả nghiên cứu sẽ giúp xây dựng các khuyến nghị về canh tác, đồng thời mở ra các hướng nghiên cứu và phát triển cho khu vực trong tương lai.

Đối tác dự án

Đại học Deakin, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây Hồ tiêu (PRDC) – Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT).

Liên hệ:

Giám đốc dự án: TS Laetitia Herrmann,
l.herrmann@deakin.edu.au



Ông Trần Quang Trường (PRDC) đang thu thập mẫu đất ở hệ thống canh tác cà phê ở tỉnh Gia Lai. Tháng 11 năm 2024. Ảnh: Nguyễn Văn Long

Học viên học bổng Meryl Williams: Bạn đang làm gì?

Các cựu sinh học bổng Meryl Williams – khóa dành cho các nước ASEAN năm 2025 đã và đang áp dụng những điều họ đã học được trong công việc và cuộc sống như thế nào?

Nguyễn Thị Kim Phượng - Giảng viên, Đại học Cần Thơ



Phượng tập trung vào nghiên cứu và giảng dạy, đồng thời hợp tác với đồng nghiệp và các bên liên quan để hỗ trợ các thực hành nông nghiệp bền vững hơn ở Việt Nam.

Cô cho biết Học bổng Meryl Williams đã giúp củng cố kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và xây dựng mạng lưới nghề nghiệp, đồng thời giúp cô hiểu rõ hơn về thể mạnh, giá trị và phong cách lãnh đạo của mình.

Sau chương trình, Phượng đã chủ động hơn trong các hoạt động nghiên cứu và hợp tác. Cô cũng hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ và sinh viên bằng cách chia sẻ cơ hội và khuyến khích họ tham gia nghiên cứu nhiều hơn.

Lê Nhung - Nghiên cứu viên chính, Viện Bảo vệ Thực vật (PPRI)



Các nghiên cứu của TS Nhung đóng góp cho lĩnh vực an ninh lương thực và xây dựng các hệ thống sản xuất bền vững tại Việt Nam.

Tham gia chương trình Meryl Williams giúp cô hiểu sâu hơn về điểm mạnh của mình và tự tin hơn trong việc trình bày ý tưởng, tham gia hoạch định chiến lược cho cơ quan.

Nhờ đó, cô đã tham gia tích cực hơn, chủ động dẫn dắt các sáng kiến nghiên cứu, tăng cường quan hệ đối tác và tham gia các dự án hợp tác liên ngành.

Hoàng Thị Huệ - Trưởng phòng Đa dạng sinh học nông nghiệp,
Trung tâm Tài nguyên thực vật thuộc Ngân hàng gen cây trồng quốc gia



Huệ cho biết học bổng Meryl Williams đã giúp cô củng cố cả chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo, đồng thời mở rộng mạng lưới chuyên môn quốc tế.

Sau khi hoàn thành chương trình, cô đã tổ chức một hội thảo với các đồng nghiệp tại Trung tâm Tài nguyên thực vật để chia sẻ những bài học kinh nghiệm từ Ngân hàng gen ngũ cốc Úc (AGG), bao gồm cả việc so sánh giữa hệ thống ngân hàng gen của Úc và Việt Nam.



Tìm hiểu thêm về Học bổng Meryl Williams:

<https://www.aciarc.gov.au/fellowships/meryl-williams-fellowship>.

Chào đón Thanh Hải về nước



Gia đình ba thế hệ đoàn tụ ở Úc khi Hải đang làm nghiên cứu tiến sĩ.

Nguyễn Thị Thanh Hải là học viên học bổng John Allwright Fellowship, đang theo học tiến sĩ tại Đại học Queensland ở Brisbane. Cô nghiên cứu dòng chảy nitơ từ tàn dư cây trồng trong hệ thống nông nghiệp.

Chia sẻ về thời gian ở Úc, Hải cho biết một trong những điều quý giá nhất của học bổng là cơ hội tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành và quốc tế.

‘Đó là cơ hội để tôi trao đổi ý tưởng với các nhà nghiên cứu và chuyên gia từ các nước, giúp tôi có thêm kiến thức và hiểu biết về những thách thức nông nghiệp toàn cầu và hợp tác nghiên cứu,’ cô chia sẻ.

Đồng thời, trải nghiệm nước Úc đối với Hải cũng mang đậm màu sắc cá nhân.

‘Các con tôi có cơ hội trải nghiệm môi trường giáo dục Úc; bố mẹ tôi cũng được đến Úc, tham quan trường đại học và trải nghiệm cuộc sống ở đây. Chúng tôi đã có thật nhiều kỷ niệm gia đình, đặc biệt là những chuyến đi du lịch và cắm trại dọc theo bờ biển Úc xinh đẹp.’

‘Những điều này đã biến hành trình JAF không chỉ là một thành tựu học thuật mà còn là trải nghiệm ý nghĩa và thay đổi cuộc sống với cả gia đình tôi,’ cô nói.

Từ năm 2005, ACIAR đã hỗ trợ 20 nhà nghiên cứu nữ tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ về khoa học nông nghiệp theo chương trình Học bổng John Allwright.

Đăng ký khóa học ACIAR Learn 2026

Bạn có phải là cựu sinh hay đối tác dự án của ACIAR? Nếu đáp ứng một trong hai điều này, bạn có thể đăng ký tham gia nền tảng học trực tuyến ACIAR Learn.

ACIAR Learn cung cấp các khóa học nghiên cứu phục vụ phát triển giá trị và hấp dẫn. Các khóa học năm 2026 bao gồm kỹ năng cố vấn, tác động chính sách, lãnh đạo dựa trên giá trị và viết bài báo khoa học thực nghiệm. Một số khóa học bắt đầu vào cuối năm nay còn có các buổi học trực tiếp có người hướng dẫn.

Hãy truy cập <https://www.aciar.gov.au/aciarlearn> để tham gia cộng đồng học tập trực tuyến toàn cầu của các đối tác ACIAR.

Phỏng vấn nhà nghiên cứu



TS Phùng Bầy (đứng, áo xanh) cùng đồng nghiệp và các đối tác tư nhân tham gia một buổi trình diễn kỹ thuật chế tác ngọc trai. Ảnh do dự án cung cấp.

Hãy cùng chúng tôi trò chuyện với TS Phùng Bầy, người đã và đang đồng hành với người nuôi trai ở Việt Nam thử nghiệm các nghiên cứu về nuôi cấy ngọc trai mabé (trai bán cầu) nhằm tạo ra các cơ hội sinh kế mới cho cộng đồng dân cư ven biển ở Việt Nam.

Xin chào Anh Bầy! Anh có thể vui lòng giới thiệu ngắn gọn về bản thân với độc giả ACIAR?

Xin chào! Tôi là Phùng Bầy, hiện là Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung, trực thuộc Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam. Tôi nghiên cứu các đối tượng nhuyễn thể như: hàu, vẹm, sò, nghêu, trai ngọc... Tôi bắt đầu công tác tại Viện từ năm 1997, từng chủ nhiệm nhiều dự án hợp tác với Mỹ, Bỉ và bây giờ là Úc.

Anh bắt đầu làm việc với ACIAR từ khi nào? Điều gì khiến anh ấn tượng nhất khi làm việc trong các dự án ACIAR?

Tôi bắt đầu tham gia các dự án do ACIAR tài trợ từ năm 2017. Điều tôi ấn tượng nhất đó là được tiếp cận những kiến thức thực tế, có thể áp dụng lâu dài. Khi làm việc với các chuyên gia hàng đầu của Úc, tôi học được phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, và đặc biệt là tư duy nghiên cứu phải gắn với thực tiễn, hỗ trợ sinh kế cho người dân Việt Nam. Những điều này tạo cho tôi nhiều động lực trong công việc nghiên cứu.

Anh có thể chia sẻ một kết quả từ dự án Mabé Pearl khiến anh thấy hào hứng nhất tới thời điểm này?

Tôi rất vui khi dự án đã chuẩn hóa được các khâu từ sản xuất giống đến nuôi cấy ngọc trai bán cầu. Kết hợp với chế tác, chúng tôi đã cùng nông dân tạo ra những viên ngọc chất lượng và được thị trường đón nhận.

Anh có thể chia sẻ những kế hoạch anh đang ấp ủ trong thời gian tới?

Dự kiến sắp tới, chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với nông dân và đối tác tư nhân để nâng cấp, mở rộng mô hình sản xuất, tạo thêm nguồn thu cho người nuôi, người chế tác và kinh doanh ngọc trai. Cùng với các đối tác tại Đại học Sunshine Coast, chúng tôi kỳ vọng nâng cao giá trị từng khâu trong quy trình sản xuất ngọc, đồng thời sớm đưa kết quả nghiên cứu đến tay người dân và doanh nghiệp Việt Nam để mở rộng sản xuất và kinh doanh ngọc trai bán cầu.

Nếu chọn một cụm từ để miêu tả cảm xúc của anh khi làm việc với ACIAR, đó sẽ là gì và vì sao?

'Kiến thức' và 'sinh kế'. Khi hợp tác với các đối tác Úc trong dự án nuôi trai lấy ngọc, tôi không chỉ nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn học được tác phong làm việc chuyên nghiệp và tư duy nghiên cứu gắn với thực tiễn. Điều đó tạo động lực để tôi tiếp tục học hỏi, phát triển bản thân và đóng góp cho ngành thủy sản.

Hoạt động yêu thích của anh trong thời gian rảnh rỗi là gì?

Tôi thích nghe nhạc, học tiếng Anh, và trò chuyện với đồng nghiệp và nông dân về ngọc trai.

Xin cảm ơn anh. Chúc anh và dự án gặt hái nhiều thành công trong thời gian tới.

Phỏng vấn nông dân



Chú Năm thu hoạch ngọc trai mabe năm 2023.
Ảnh: ACIAR

Hãy cùng gặp chú Lê Văn Năm, một ngư dân đã gắn bó gần 10 năm với dự án nuôi trai lấy ngọc do ACIAR hỗ trợ, để nghe chú chia sẻ về niềm vui chú nhận được từ khi tham gia dự án.

Xin chào Chú Năm. Chú hãy giới thiệu về bản thân với độc giả ACIAR.

Tôi là Lê Văn Năm, sinh năm 1961, nhà ở xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Cả đời tôi làm nghề biển, trước thì đi tàu nhỏ đánh bắt tôm cá ngoài khơi nhưng đến khi có tuổi tôi về bờ làm bè nuôi hàu và vẹm, đến nay đã được 15 năm.

Chú đã tham gia dự án ACIAR từ khi nào? Điều chú thích nhất khi tham gia dự án là gì?

Tôi biết đến dự án hỗ trợ nuôi trai lấy ngọc của ACIAR từ năm 2016, do trước đó đã có kinh nghiệm nuôi ngọc trai nên được cán bộ dự án mời tham gia.

Tôi vui nhất mỗi khi đến mùa thu hoạch. Trung bình 10 – 12 tháng tôi sẽ thu hoạch được một đợt ngọc trai. Nhờ có cán bộ dự án hướng dẫn, tôi học được cách cấy trai và được tự tay làm ra những viên ngọc trai bóng đẹp, có nhiều hình dạng như ngôi sao, giọt nước – tôi thấy rất sung sướng.

Việc tham gia dự án đã tạo ra những thay đổi như thế nào trong cuộc sống của chú?

Công việc hiện tại mang lại thu nhập rất tốt, chiếm đến 80% thu nhập của tôi. So với chỉ nuôi hàu và vẹm để bán, thu nhập của tôi hiện giờ tốt hơn rất nhiều.

Ngoài ra, nghề nuôi trai lấy ngọc này khá an nhàn, không mất nhiều công lao động nên phù hợp với người lớn tuổi như tôi. Con trai lại là loài khá ‘dễ tính’, sống được trong nhiều kiểu thời tiết nên làm nghề cũng bớt rủi ro.

Bây giờ tôi cứ hợp tác với dự án, tôi nuôi trai bố mẹ rồi chuyển đến Viện Khoa học Thủy sản ở Nha Trang để các anh ấy cấy trai, khi nào con trai bám lưới ổn định thì tôi mang về nuôi.

Khi tham gia dự án, tôi cũng được làm việc với các chuyên gia của Việt Nam và Úc. Các chuyên gia Úc đã chỉ cách thức cho tôi biết cấy trai, tôi rất cảm ơn.

Xin cảm ơn chú Năm. Kính chúc chú sức khỏe và tiếp tục nuôi trai thật vui mỗi ngày.

Gương mặt mới ở ACIAR



TS Jennifer Blair – *Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Thủy sản*

Trước khi gia nhập ACIAR năm 2025, Jennifer từng là Giám đốc Chương trình Nghiên cứu và Phát triển của một doanh nghiệp nuôi trồng tôm hùm đá ở Bắc Queensland. Cô cũng từng là Phó Giáo sư của Đại học James Cook, làm việc tại Singapore và Úc (2017–2020), chuyên nghiên cứu về giáo dục khoa học biển và nuôi trồng thủy sản; các công trình nghiên cứu của cô giúp kết nối nghiên cứu khoa học cơ bản với nhu cầu và hoạt động thực tiễn của ngành thủy sản. Cô có bằng Tiến sĩ tại Đại học Tasmania.



TS Nicholas Hogarth - *Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Lâm nghiệp*

Nicholas có kinh nghiệm đa ngành và chuyên môn đa dạng trong lĩnh vực lâm nghiệp—về các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế. Ông có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế về nghiên cứu, phát triển và nâng cao năng lực tại khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương và Châu Phi. Ông đã từng làm về cảnh quan nông lâm kết hợp, rừng tự nhiên, lâm nghiệp hộ gia đình và cộng đồng, phát triển chuỗi giá trị, các dự án trồng và phục hồi rừng quy mô lớn. Trước khi gia nhập ACIAR năm 2025, Nicholas công tác tại Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế và Trung tâm Nông Lâm thế giới (CIFOR-ICRAF) và Đại học Helsinki (2015-2022). Ông có bằng Tiến sĩ về rừng và sinh kế của Đại học Charles Darwin tại Trung Quốc.



Đặng Thùy Trang – *Trợ lý Giám đốc Quốc gia, ACIAR Việt Nam*

Trang bắt đầu làm việc tại ACIAR từ tháng 4, 2026. Trước khi làm việc tại ACIAR, cô có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực bảo vệ/bảo tồn nguồn nước, quản lý rác thải bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cô có bằng thạc sĩ về phát triển bền vững tại Đại học Macquarie theo diện học bổng Chính phủ Úc. Trong giai đoạn phát triển sự nghiệp tới đây, cô mong muốn áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm về phát triển bền vững để hỗ trợ nghiên cứu nông nghiệp, góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và đóng góp vào mục tiêu Net Zero của Việt Nam. Đồng thời, thông qua công việc này cô mong muốn đóng góp cho mối quan hệ hợp tác Việt – Úc với tư cách là một cựu sinh học bổng Chính phủ Úc.

Dấu ấn hợp tác qua ảnh

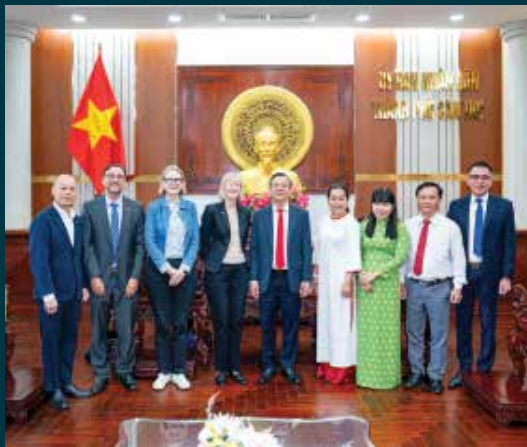
Cập nhật các sự kiện gần đây với các đối tác của ACIAR tại Việt Nam và trong khu vực.



35 năm hợp tác nghiên cứu giữa Australia và Lào. Chúc mừng Văn phòng ACIAR tại Lào đã tổ chức thành công chuỗi sự kiện kỷ niệm 35 năm hợp tác nghiên cứu nông nghiệp giữa ACIAR và Lào. Ảnh: ACIAR.



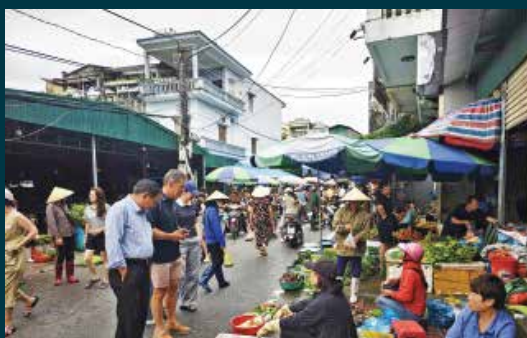
Canh tác trong điều kiện xâm nhập mặn. Các đối tác tham gia đánh giá cuối kỳ dự án 'Các phương án cây trồng thay thế trên nền đất lúa bị xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long'. Tháng 3 năm 2026. Ảnh: ACIAR.



Tăng cường quan hệ tại Cần Thơ. Đại sứ Australia, bà Gillian Bird, đã gặp gỡ và trao đổi về hợp tác song phương với lãnh đạo thành phố Cần Thơ. Tháng 3 năm 2026. Ảnh: Tổng Lãnh sự quán Australia.



Khai trương Công viên Khí hậu Thái Nguyên. Công viên khí hậu mới sẽ góp phần nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng, đặc biệt cho giới trẻ. Xin chúc mừng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Quốc tế (ICRAF) với cột mốc đáng nhớ này. Tháng 4 năm 2026. Ảnh: Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.



Khởi động hoạt động nghiên cứu về tiềm năng nuôi bào ngư. Các nhà nghiên cứu đã khảo sát tiềm năng nuôi bào ngư nhiệt đới tại Quảng Ninh, Hải Phòng và Nha Trang. Tháng 5 năm 2026. Ảnh: Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.



Giảm tổn thất thực phẩm trong chuỗi cá tra. Các đối tác dự án tham gia hội thảo tổng kết và đánh giá dự án 'Thất thoát thực phẩm trong chuỗi giá trị cá tra tại lưu vực sông Mê Kông'. Tháng 5 năm 2026. Ảnh: Trường Đại học An Giang.



Kỷ niệm 80 năm Báo Nông nghiệp và Môi trường (VAN).
Xin chúc mừng 80 năm xây dựng và trưởng thành của báo Nông nghiệp và Môi trường. Ảnh: VAN.



Tôn vinh nghiên cứu dược liệu. Chúc mừng Viện Dược liệu (NIMM) nhân dịp kỷ niệm 65 năm thành lập. Tháng 4 năm 2026. Ảnh: NIMM.



Nhiệt liệt chào mừng tân Tổng Lãnh sự Australia bắt đầu nhiệm kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kate Wallace trình quốc thư lên Bộ Ngoại giao Việt Nam. Tháng 5 năm 2026. Ảnh: Đại sứ quán Australia.



Đối tác vì tiến bộ trong nông nghiệp và môi trường. Đại sứ Australia, bà Gillian Bird, và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ông Trịnh Việt Hùng, tái khẳng định mối quan hệ hợp tác bền chặt trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Tháng 5 năm 2026. Ảnh: Đại sứ quán Australia.



Nghiên cứu sinh John Allwright sẵn sàng lên đường sang Australia. Nghiên cứu sinh Chương trình John Allwright của ACIAR năm 2026, Cao Đình An Giang (bên phải), tham dự buổi hướng dẫn trước khi lên đường của Australia Awards tại Hà Nội. Tháng 5 năm 2026. Ảnh: ACIAR.



Chung tay bảo vệ môi trường. Chúc mừng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức thành công lễ phát động phong trào vì một Việt Nam xanh – sạch – đẹp, nằm trong chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Đại dương Thế giới, Tháng hành động vì môi trường và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2026. Tháng 6 năm 2026. Ảnh: Báo Nông nghiệp và Môi trường.

Canh hàu nấu chua

Nguyên liệu

100g	thịt hàu tươi
1l	nước dùng cá hoặc gà
70g	dứa
5g	hành hoa
10g	rau răm
3 quả	cà chua
3 nhánh	hành khô
1 thìa canh	mỡ lợn
1 thìa cafe	đường
2 thìa canh	nước mắm
1 thìa cafe	muối

Cách làm

- Cà chua bổ múi cau. Hành khô thái lát.
- Cho nồi lên bếp, để nhiệt độ vừa. Khi nồi nóng cho một thìa mỡ lợn vào đảo cho đến khi mỡ lợn nóng già. Cho hành khô vào phi thơm.
- Cho cà chua vào, đảo đều tay cho cà chua chín mềm.
- Cho nước dùng cá hoặc gà vào nồi đun sôi.
- Cho dưa vào nấu trong 5 phút.
- Để thịt hàu vào muôi thủng, chần hàu trong nồi canh khoảng 10 giây rồi vớt ra bát. Hàu rất nhanh chín và mất nước, bởi vậy khi nấu hàu không nên để lâu quá trong nồi nước đang sôi.
- Nêm lại nồi canh với nước mắm, muối, đường rồi múc canh ra bát, rắc hành hoa và rau răm trang trí.

Công thức món ăn của Phạm Hồng Nhiệm từ dự án FIS/2010/100 "Nâng cao năng lực sản xuất nhuyễn thể tại miền Bắc Việt Nam và Australia", đầu bếp Nguyễn Mạnh Hùng hoàn thiện.
Ảnh: Vũ Bảo Khánh



Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) là một phần trong chương trình hợp tác phát triển quốc tế của Australia. Nhiệm vụ của trung tâm là xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững và năng suất hơn vì lợi ích của các quốc gia đang phát triển và Australia. ACIAR tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Australia và các nhà nghiên cứu từ các quốc gia đang phát triển về các lĩnh vực mà Australia có thế mạnh về nghiên cứu. ACIAR cũng điều phối đóng góp của Australia đối với các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế.

ACIAR Việt Nam là một trong 10 văn phòng quốc gia/khu vực của Trung tâm và đã có mặt tại Việt Nam kể từ năm 1993.

Thông tin liên hệ:

Văn phòng ACIAR Việt Nam

SĐT: +84-24 3774 0265

Email: aciarvietnam@aciarc.gov.au

Đại sứ quán Australia

Số 8 phố Đào Tấn

Phường Giảng Võ

Hà Nội, Việt Nam.



Australian Centre
for International
Agricultural Research

